TUẦN 26:

Thứ Hai ngày 16 tháng 03 năm 2026

Hoạt động trải nghiệm:

SINH HOẠT DƯỚI CỜ:

NGÀY HỘI "CHỮA LÀNH VẾT THƯƠNG TRÁI ĐẤT"

Tiếng Việt:

XUỒNG BA LÁ QUÊ TÔI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài Xuồng ba lá quê tôi. Biết nhấn giọng vào những từ ngữ chứa thông tin quan trọng; biết ngắt, nghỉ hơi theo chỉ dẫn của dấu câu
- Đọc hiểu: Nhận biết được hình ảnh, chi tiết nổi bật, trình tự các sự việc của văn bản. Nắm được ý chính của mỗi đoạn trong bài. Hiểu được nội dung chính của bài đọc Xuồng ba lá quê tôi: giới thiệu một phương tiện đi lại quen thuộc của người dân vùng sông nước Nam Bộ

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác
- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
1. Khởi động - GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: **Hộp quà bí mật.** Trong hộp quà là các câu hỏi: + Câu 1: Đọc thuộc lòng 2 – 3 khổ trong bài Đường quê Đồng Th áp Mười. + Câu 2: Em thích nhất hình ảnh nào về Đồng Tháp Mười trong bài thơ? + Câu 3: Những chi tiết, hình ảnh nào ở miền quê này gợi nhớ những câu chuyện cổ tích quen thuộc? - GV nhận xét, tuyên dương, bổ sung thêm. - GV yêu cầu HS trao đổi những điều các em biết về những phương tiện đi lại của người dân ở vùng sông nước. - GV mời đại diện nhóm chia sẻ - GV nhận xét ý kiến của HS.	- HS tham gia trò chơi. + Đọc các khổ thơ trong bài đọc theo yêu cầu trò chơi. + HS trả lời, nêu suy nghĩ cá nhân. + HS trả lời. VD: Những câu chuyện cổ tích quen thuộc được gợi nhớ qua hình ảnh "trăm đốt tre" – truyện "Cây tre trăm đốt" và hình ảnh ông bụt, ông tiên hiền hậu. - HS lắng nghe - HS làm việc nhóm chia sẻ những hiểu biết của mình - Đại diện nhóm trình bày - Nhận xét

- GV giới thiệu: Bức tranh minh hoạ chiếc xuồng ba lá, một vật dụng quen thuộc của người dân vùng Nam Bộ. Bài đọc này sẽ giúp các em có thêm những thông tin thú vị về loại xuồng này	- HS lắng nghe.
2. Khám phá.	
2.1. Hoạt động 1: Luyện đọc. - GV đọc mẫu lần 1: Đọc rõ ràng, diễn cảm phù hợp - GV HD đọc: Đọc trôi chảy toàn bài, ngắt nghỉ câu đúng, chú ý câu dài; đọc diễn cảm nhấn giọng ở những tình tiết bất ngờ hoặc từ ngữ thể hiện tâm trạng, cảm xúc của nhân vật. - Gọi 1 HS đọc toàn bài. - GV chia đoạn: 4 đoạn + Đoạn 1: Từ đầu đến hình xương cá + Đoạn 2: Tiếp theo đến người dân Nam Bộ + Đoạn 3: Tiếp theo đến khu căn cứ kháng chiến. + Đoạn 4: Phần còn lại. - GV gọi 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: *chiếc "cong", bông điên điển, tiềm thức, len sâu, rộn ràng, giăng câu, toả đi,…* - GV hướng dẫn luyện đọc câu: *+ Để xuồng được vững chắc,/ người ta dùng những chiếc "cong"/ đóng vào bên trong lòng xuồng,/ tạo thành bộ khung/ hình xương cá.* *+ Và mỗi sớm mai,/ trên nhánh sông quê,/ những chiếc xuồng ba lá/ theo dòng nước toả đi,/ chở đầy ước mơ, khát vọng/ của tình đất, tình người phương Nam.* - GV HD đọc đúng ngữ điệu: đọc thay đổi ngữ điệu khi đọc lời nói trực tiếp các nhân vật, đọc đúng ngữ điệu thể hiện tâm trạng của nhân vật - GV mời 4 HS đọc nối tiếp đoạn. - GV nhận xét tuyên dương.	- Hs lắng nghe GV đọc. - HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc. - 1 HS đọc toàn bài. - HS quan sát và đánh dấu các đoạn. - 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn. - HS đọc từ khó. - 2-3 HS đọc câu. - HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu. - 4 HS đọc nối tiếp theo đoạn.
3. Luyện tập.	
3.1. Giải nghĩa từ. - GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ. - Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh minh hoạ (nếu có)	- HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ. - HS nghe giải nghĩa từ

+ ván be: tấm ván bên thân xuồng. + ván đáy: tấm ván ở phía dưới. + cong (xuồng): những thanh gỗ ghép lại, làm thành bộ khung để cố định 3 miếng ván xuồng; + du kích: những nhóm vũ trang nhỏ, lẻ, đánh giặc ở mọi nơi, mọi lúc bằng các loại vũ khí (thô sơ và hiện đại). + bông (hoa) điên điển: loài hoa có màu vàng, mọc nhiều ở Đồng bằng sông Cửu Long; thường dùng ăn sống, làm dưa chua, nấu canh;	
3.2. Tìm hiểu bài. - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,… - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu. + Câu 1: Tác giả đã giới thiệu thế nào về xuồng ba lá? + Câu 2: Xuồng ba lá gợi nhớ những kỉ niệm nào của tác giả với người thân? + Câu 3: Từ xưa, chiếc xuồng đã gắn bó thế nào với người dân vùng sông nước? Thuở cha ông đi mở cõi Những năm tháng chiến tranh	- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi: - Đáp án: + Tác giả giới thiệu về tên gọi của xuồng ba lá và giải thích vì sao vật dụng này có tên gọi như vậy, gọi là xuồng ba lá vì xuồng được ghép bởi ba tấm ván: hai tấm ván be và một tấm ván đáy, người ta dùng những chiếc "cong" đóng vào bên trong lòng xuồng, tạo thành bộ khung hình xương cá (tên gọi của vật dụng dựa vào cấu tạo của nó) + Xuồng ba lá gợi nhớ kỉ niệm của tác giả với bà nội (Tôi vẫn nhớ những sáng nội chèo xuồng mang cho tôi mấy cái bánh lá dừa, giỏ cua đồng mà nội vừa bắt được), với chị và mẹ (Nhớ những chiều chị tôi chèo xuồng dọc triền sông, bẻ bông điên điển đầy rổ mang về cho má nấu canh chua). + Từ thuở cha ông đi mở cõi, xuồng đã là "đôi chân của người dân Nam Bộ". Cách nói ví von này cho thấy xuồng ba lá là phương tiện đi lại rất thiết thân của người dân nơi đây. Trong những năm tháng chiến tranh, xuồng cùng người dân bám trụ, giữ xóm, giữ làng và có nhiều đóng góp to lớn: chở lương thực tiếp tế cho bộ đội, đưa du kích qua sông,...

+ Câu 4: Hình ảnh xuồng ba lá hiện ra như thế nào trong cuộc sống thanh bình hiện nay?	+ Đất nước thanh bình, xuồng ba lá tiếp tục gắn bó với sinh hoạt hằng ngày và hoạt động lao động sản xuất của người dân: ngược xuôi miền chợ nổi, lướt nhanh trên cánh đồng rì rào sóng lúa, rộn ràng những đêm giăng câu, thả lưới. Xuồng còn mang giá trị tinh thần của người dân vùng sông nước: theo dòng nước toả đi, chở đầy ước mơ, khát vọng của tình đất, tình người phương Nam.
+ Câu 5: Bài đọc giúp em hiểu thêm điều gì về cảnh vật và con người phương Nam? - GV nhận xét, tuyên dương - GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài bài học. - GV nhận xét và chốt: ***Chiếc xuồng là người bạn thân thiết của người dân Nam Bộ. Nó gắn bó với cuộc sống chiến đấu và lao động sản xuất của người dân nơi đây.***	+ Phương Nam (Nam Bộ) là vùng sông nước, có nhiều kênh rạch, sông ngòi. Xuồng là phương tiện đi lại phổ biến của người dân nơi đây. Xuồng là người bạn thân thiết của người dân Nam Bộ. Người dân Nam Bộ sống gắn bó với thiên nhiên, kiên cường trong chiến đấu và chăm chỉ, cần cù trong lao động sản xuất. - 2-3 HS tự rút ra nội dung bài học - 3-4 HS nhắc lại nội dung bài học.
4. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV tổ chức cho thi đọc diễn cảm trước lớp (mỗi tổ cử đại diện tham gia) - GV nhận xét tuyên dương. - GV khích lệ HS nêu suy nghĩ của bản thân: Em học tập được gì về cách miêu tả đồ vật qua bài đọc? - Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- Một số HS tham gia thi đọc: + Mỗi tổ cử đại diện tham gia thi đọc diễn cảm trước lớp. + HS lắng nghe, học tập lẫn nhau. - HS trả lời theo suy nghĩ cá nhân. VD: Miêu tả đặc điểm nổi bật của đồ vật kết hợp với công dụng và sự gắn bó của đồ vật với con người, với quê hương, vùng đất,... – HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Tiếng Việt:

LUYỆN TỪ VÀ CÂU:
LUYỆN TẬP VỀ LIÊN KẾT CÂU TRONG ĐOẠN VĂN VIẾT

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

- Củng cố kiến thức và phát triển kĩ năng liên kết các câu trong đoạn văn, qua đó phát triển kĩ năng viết nói chung, kĩ năng tạo lập văn bản nói riêng.
- Biết vận dụng bài học vào thực tiễn cuộc sống.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: ngôn ngữ; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác
- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức trò chơi: ***Chiếc hộp âm nhạc.*** - GV nêu cách chơi: HS chuyền tay nhau chiếc hộp có chứa các câu hỏi đồng thời nghe bài hát. Khi bài hát dừng chiếc hộp ở tay bạn nào thì bạn ấy trả lời câu hỏi. (Nếu HS nào chưa có câu trả lời thì có thể chuyển hộp nhạc cho bạn ngồi bên cạnh để tiếp tục trả lời câu hỏi. + ***Câu hỏi 1:*** có mấy cách liên kết câu trong đoạn văn, là những cách nào? + ***Câu hỏi 2:*** các câu văn sau được liên kết bằng hình thức nào? *Quả sim giống hệt một con trâu mộng bé tí hon, béo tròn múp míp, còn nguyên cả lông tơ, chỉ thiếu chiếc khoáy. cái sừng trâu là cái tai quả, nó chính là đài hoa đã già.* (Theo Băng Sơn) - GV nhận xét, tổng kết trò chơi. - GV giới thiệu vào bài mới. - Ghi bảng	- HS tham gia trò chơi. - HS lắng nghe cách chơi và trả lời câu hỏi. - HS lắng nghe và trả lời câu hỏi. + ***Đáp án:*** có 3 cách liên kết câu: liên kết câu bằng cách lặp từ ngữ, liên kết câu bằng từ ngữ nối, liên kết câu bằng từ ngữ thay thế. + ***Đáp án:*** Liên kết câu bằng cách lặp từ ngữ - HS lắng nghe - HS ghi tên bài vào vở
2. Luyện tập.	
Bài 1: Các câu trong những đoạn văn dưới đây liên kết với nhau bằng cách nào? a. (1) Mới hôm qua, tôi chỉ thấy con đường đất đỏ quen thuộc và những đám cỏ xác xơ. (2) Thế mà hôm nay, đột nhiên những bông hoa mua đầu mùa đã bật nở, tím hồng	

như những ngọn đèn vui thấp thoáng trong làn sương ấm.

(*Theo* Vũ Tú Nam)

b. (1) Múa sư tử thực chất là một điệu múa võ. (2) Các miếng võ được biểu diễn rõ nhất trong màn sư tử đùa nghịch vờn nhau với đười ươi và khỉ. (3) Đười ươi và khỉ tìm đủ mọi cách để trêu chọc sư tử. (4) Bị trêu chọc, con thú dữ phát khùng nhe răng ra định ngoạm đầu đười ươi và khỉ, nhưng những con vật này dùng đủ miếng võ để né tránh một cách tài tình.

(*Theo* Trần Quốc Vượng- Lê Văn Hảo-Dương Tất Từ)

c. (1) Nhà rông là nơi thờ cúng chung, hội họp chung, tiếp khách chung, vui chơi chung của tất cả dân làng. (2) Kiến trúc bên trong nhà rông khá đặc biệt: nhà trống rỗng, chẳng vướng víu một cây cột nào, có nhiều bếp lửa luôn đượm khói, có nơi dành để chiêng trống, nông cụ,... (3) Đêm đêm, bên bếp lửa bập bùng, các cụ già kể lại cho con cháu nghe biết bao kỉ niệm vui buồn ngôi nhà rông đã từng chứng kiến. (4) Vì vậy, nhà rông đối với tuổi trẻ Tây Nguyên thân thương như cái tổ chim êm ấm.

(*Theo* Ay Dun và Lê Tấn)

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung:
- GV mời cả lớp làm việc nhóm 2 theo phiếu bài tập sau:

Đoạn văn	Cách liên kết câu	Từ ngữ liên kết
a	....	....
b	....	....
c	....	....

- GV mời các nhóm trình bày.
- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

- 1 HS đọc yêu cầu bài 1. Cả lớp lắng nghe bạn đọc.
- Cả lớp làm việc nhóm 2, xác định nội dung yêu cầu.

Đáp án:

Đoạn văn	Cách liên kết câu	Từ ngữ liên kết
a	Liên kết câu bằng từ ngữ nối	Thế mà
b	– Liên kết câu bằng cách lặp từ ngữ – Liên kết câu bằng từ ngữ thay thế	– võ, sư tử, đười ươi, khỉ – con thú dữ thay thế cho sư tử
c	Liên kết câu bằng cách lặp từ ngữ	nhà rông

- Các nhóm trình bày
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.

+ Đoạn văn b: Các câu 1 và 2 liên kết với nhau qua từ sư tử, võ. Các câu 2, 3 và 4 liên kết với nhau qua từ đười ươi, khỉ. Các câu 3 và 4 liên kết với nhau bằng cách thay từ sư tử bằng cụm từ con thú dữ - GV nhận xét kết luận và tuyên dương.	
Bài 2. Chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống để liên kết các câu trong đoạn văn. *(người anh, hai anh em, hai vợ chồng người em, nhưng)* Ngày xửa ngày xưa ở một nhà kia có hai anh em, cha mẹ mất sớm. ..... chăm lo làm lụng nên trong nhà cũng đủ ăn. ..... từ khi có vợ, người anh sinh ra lười biếng, bao nhiêu công việc khó nhọc đều trút cho vợ chồng người em. ..... thức khuya, dậy sớm, cố gắng làm lụng. Thấy thế, ... sợ em tranh công, liền bàn với vợ cho hai vợ chồng người em ra ở riêng.	
- GV mời 1 HS đọc yêu cầu và nội dung:	- HS đọc yêu cầu bài tập
- GV mời cả lớp làm việc nhóm 2	- HS thực hiện theo nhóm vào phiếu lớn
- GV mời các nhóm trình bày.	- Đại diện nhóm trình bày kết quả + Ngày xửa ngày xưa ở một nhà kia có hai anh em, cha mẹ mất sớm. **Hai anh em** chăm lo làm lụng nên trong nhà cũng đủ ăn. **Nhưng** từ khi có vợ, người anh sinh ra lười biếng, bao nhiêu công việc khó nhọc đều trút cho vợ chồng người em. **Hai vợ chồng người em** thức khuya, dậy sớm, cố gắng làm lụng. Thấy thế, **người anh** sợ em tranh công, liền bàn với vợ cho hai vợ chồng người em ra ở riêng.
- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.	- HS nhận xét - Lắng nghe rút kinh nghiệm.
+ Đoạn văn này đã dùng những cách liên kết câu nào? + Từ ngữ nào cho em biết điều đó?	+ Liên kết câu bằng cách lặp từ ngữ và bằng từ ngữ nối + Lặp từ ngữ: hai anh em, hai vợ chồng + Từ ngữ nối: nhưng
- GV nhận xét kết luận và tuyên dương.	- HS lắng nghe
Bài 3. Viết đoạn văn (4 – 5 câu) giới thiệu về một phương tiện đi lại của người dân ở vùng sông nước, trong đó có sử dụng từ ngữ nối để liên kết câu hay nhất với dàn ý	

chi tiết giúp học sinh có thêm tài liệu tham khảo để viết văn hay hơn. - YC học sinh làm việc cá nhân đặt câu ghép và xác định vế câu ghép. - Yêu cầu HS làm cá nhân vào vở sau đó chia sẻ trước lớp. - GV chụp bài HS và chiếu để lớp nhận xét - GV có thể đưa ra các tiêu chí để HS nhận xét: + Đoạn văn viết đúng chủ đề: phương tiện đi lại của người dân vùng sông nước. + Các câu trong đoạn văn liên kết với nhau bằng từ ngữ nối. + Đủ số lượng: 4 – 5 câu - GV mời một số HS đọc đoạn văn, nêu các từ ngữ nối và các các cách liên kết câu khác (nếu có). - GV nhận xét cá nhân HS và lớp, tuyên dương những HS biết cách liên kết câu trong đoạn văn đã viết.	- HS đọc yêu cầu bài - HS làm bài cá nhân. - Chia sẻ bài làm trước lớp. - HS nhận xét bài của mình và của bạn theo các tiêu chí GV đưa ra. + VD đoạn văn tham khảo: Quê em ở vùng ven biển miền Trung. Vì vậy, cô bác ở quê thường đi đánh cá bằng thuyền. Mọi người đều coi thuyền là vật dụng gần gũi, gắn bó. Vào những buổi sớm mai, những chiếc thuyền lớn nhỏ đầy tôm cá cập bờ mang theo niềm vui của người dân miền biển. - Lắng nghe
4. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi "**Ai nhanh, ai đúng? "** Câu 1. Các câu sau liên kết bằng cách lặp từ ngữ. *Lớp Minh có thêm học sinh mới. Đó là một bạn gái có cái tên rất ngộ: Thi Ca.* *A. Đúng* *B. Sai* Câu 2. Các câu sau liên kết với nhau bằng cách nào? Cô giáo xếp Thi Ca ngồi ngay cạnh Minh. Minh tò mò ngó mái tóc xù lông nhím của bạn ấy, định bụng làm quen với "người hàng xóm mới" thật vui vẻ. A. Liên kết câu bằng cách lặp từ ngữ B. Liên kết câu bằng từ ngữ nối C. Liên kết câu bằng từ ngữ thay thế D. Liên kết câu bằng cách lặp từ ngữ và thay thế từ ngữ.	- HS chơi trò chơi. - Đáp Án + Câu 1: B + Câu 2: D - HS trả lời

- Yêu cầu HS nêu cụ thể cách liên kết câu trong đoạn văn ở bài tập 2. - Nhận xét tổng kết trò chơi và đánh giá tiết học - Dặn dò bài về nhà.	- Lắng nghe

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Toán:

Bài 54: THỰC HÀNH TÍNH TOÁN VÀ ƯỚC LƯỢNG THỂ TÍCH MỘT SỐ HÌNH KHỐI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- HS tính toán, đo lường và ước lượng được thể tích của một số hình khối trong thực tế liên quan đến các hình lập phương và hình hộp chữ nhật.
- HS vận dụng được cách tính thể tích hình lập phương và hình hộp chữ nhật để giải quyết một số tình huống thực tế.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: lập luận, tư duy toán học và giao tiếp toán học; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Phiếu HT. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Đồ dùng học tập môn Toán.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Nêu cách tính thể tích hình lập phương? + Câu 2: Cnêu cách tính thể tích hình hộp chữ nhật? + Câu 3: Tính thể tích hình lập phương có cạnh 3cm? Câu 4: Tính thể tích hình hộp chữ nhật có kích thước: a= 5, b=3,c= 4 - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: Muốn tính thể tích hình lập phương ta lấy cạnh nhân cạnh nhân cạnh. + Muốn tính thể tích hình hộp chữ nhật ta lấy chiều dài nhân với chiều rộng rồi nhân với chiều cao (cùng đơn vị đo). + Trả lời: 27 cm^3 + Trả lời: 60 dm^3 - HS lắng nghe.
2. Hoạt động thực hành	
Hoạt động 1:	

- Cho hs đọc yêu cầu. - Yc hs quan sát hình - GV mời HS làm việc cá nhân 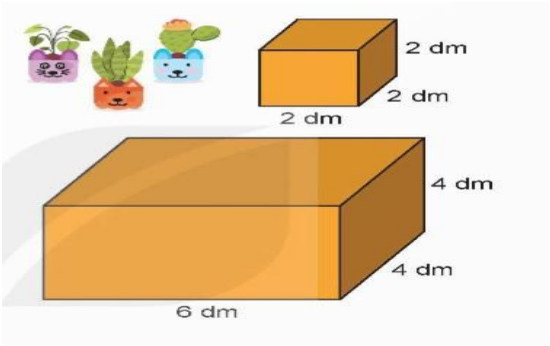 - GV Nhận xét tuyên dương (sửa sai)	- Hs đọc yêu cầu. - Hs quan sát hình và chú thích kích thước trên hình vẽ làm bài - Kết quả: a,Thể tích mẫu hộp đó là: $2 \times 2 \times 2 = 8$ $2 \times 2 \times 2 = 8$ dm^3 b, Thể tích của thùng là: $6 \times 4 \times 4 = 96$ $6 \times 4 \times 4 = 96$ dm^3 Có thể xếp được số hộp vào hùng là: $96 : 8 = 12$ $96 : 8 = 12$ (hộp)
Hoạt động 2: - GV giới thiệu hoạt động và hướng dẫn cách làm: - HD hs cách ước lượng chiều dài, rộng cao của phòng học. VD : a = 6 m, b = 4 m, c=3 m thì xếp được bao nhiêu hình lập phương $1m^3$? - GV nhận xét, tuyên dương.	- HS quan sát, lắng nghe GV hướng dẫn cách làm. - Hs ước lượng - Đại diện các nhóm trả lời. - HS trả lời Vd: Thể tích của căn phòng : $6 \times 4 \times 3 = 72$ $6 \times 4 \times 3 = 72$ m^3 Có thể xếp được số thùng 1 m^3 vào phòng $72 : 1 = 72$ $72 : 1 = 72$ (thùng) - HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).
3. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV tổ chức cho hs chơi trò chơi : Đường đua - GV yc hs mang các hộp dạng hình hộp chữ nhạt và hình lập phương đã chuẩn bị để xung quanh lớp. - GV mời 1 HS đọc luật chơi. - GV nhắc lại luật chơi: *Cô đọc một số đo thể tích, các nhóm quan sát ước lượng và lựa chọn một hộp có số đo thể tích bằng hoặc gần bằng số đo thể tích cô vừa đọc. Nhóm tìm được hộp có số đo thể tích bằng hoặc gần bằng nhất với số đo thể tích của cô giáo đọc thì được cộng một điểm . Trò chơi được chơi 5 lượt chơi ,đội nào giành được nhiều điểm nhất thì thắng cuộc.* - GV tc cho hs chơi - GV nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết học.	- Hs đọc luật chơi - Hs lắng nghe - 1 HS chơi trò chơi

- Dặn dò bài về nhà.	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

BUỔI CHIỀU:

Khoa học:

CHĂM SÓC SỨC KHOẺ TUỔI DẬY THÌ (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nêu và thực hiện được những việc cần làm để chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ về thể chất và tinh thần ở tuổi dậy thì.
- Giải thích được sự cần thiết phải giữ vệ sinh cơ thể, đặc biệt là ở tuổi dậy thì.
- Có ý thức và kĩ năng thực hiện vệ sinh cơ thể. Đặc biệt là vệ sinh quanh cơ quan sinh dục ngoài.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tự chủ, tự học; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức cho HS chia sẻ: Kể những việc em đã làm thường ngày để chăm sóc và bảo vệ bản thân + Cá nhân HS chia sẻ +GV khuyến khích nhiều HS chia sẻ.	- Cả lớp lắng nghe. - Tắm rửa, gội đầu hàng ngày. - Cắt ngắn móng tay, móng chân. - Thường xuyên thay quần áo, giặt quần áo,..... - Dọn dẹp nhà cửa, phòng ngủ, bàn học, gọn gàng.

- GV kết luận: Ở bài học trước các em đã biết tuổi dậy thì có sự thay đổi đặc biệt một số bộ phận cơ thể. Ngoài những việc các em vừa kể các em cần thực hiện đến việc làm nào nữa để chăm sóc bảo vệ sức khỏe? Chúng ta sẽ tìm hiểu ở bài học hôm nay.	- Tham gia các hoạt động thể dục thể thao, ... - HS lắng nghe.

2. Hoạt động khám phá:

Hoạt động khám phá 1: Chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ tuổi dậy thì.

-Tổ chức theo nhóm đôi, yêu cầu học sinh quan sát hình và thực hiện theo yêu cầu của Sách giáo khoa.

-Quan sát từ hình 1 đến hình 8 nêu những việc các bạn cần làm để chăm sóc bảo vệ sức khỏe thể chất và tinh thần tuổi dậy thì.







- HS đọc thông tin và thảo luận theo nhóm:

Hình 1: ăn uống đủ lương đủ chất.

Hình 2: tắm và vệ sinh cơ thể hằng ngày đặc biệt sau khi vận động cơ thể.

Hình 3: thay băng vệ sinh khi có kinh nguyệt

Hình 4: Chia sẻ với người lớn về những thay đổi của cơ thể.

Hình 5: không thức khuya

Hình 6: không tò mò đọc truyện về tình cảm nam nữ

Hình 7: chia sẻ động viên khi bạn buồn

Hình 8: Tham gia các hoạt động thể thao vận động cơ thể.

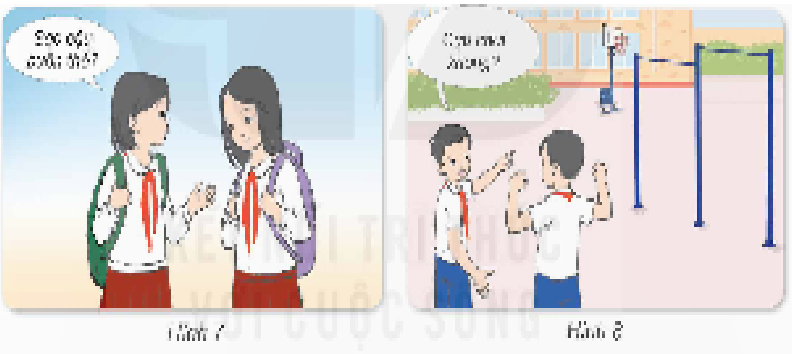

- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. Chia sẻ trước lớp.
- GV nhận xét, tuyên dương.

GV nhận xét và khen học sinh

Hoạt động khám phá 2: Kể những việc cần làm, khác với việc đã nêu ở hoạt động 1 để chăm sóc bảo vệ sức khỏe thể chất và tinh thần tuổi dậy thì phù hợp học sinh.

- GV yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, khuyến khích các học sinh liệt kê càng nhiều càng tốt.
- Giáo viên nhận xét nhấn mạnh những việc làm hoạt động thường thực hiện ở trường ở nhà nhằm chăm sóc bảo vệ sức khỏe.

Một số việc có thể nêu: như tập thể dục, vận động giữa giờ, làm việc nhà, quét nhà, lau dọn nhà cửa, tưới cây, ăn hết suất ăn theo quy định, uống đủ nước, vệ sinh cơ quan sinh dục hằng ngày, khám sức khỏe đầu năm, khám răng định kỳ, ngủ trưa đầy đủ, tham gia hoạt động giải trí lành mạnh.

3. Hoạt động luyện tập.

- GV yêu cầu làm việc cá nhân hoàn thành phiếu số 1.

-HS lắng nghe và hoàn thành phiếu:

Phiếu số 1

Nên làm	Không nên làm
-Chơi cầu lông, đá cầu, tưới cây, quét lớp,… -Giữ tâm trạng vui vẻ, chơi với bạn cùng lứa tuổi… -Ăn đủ chất, đa dạng các loại thức ăn,…. -Rửa mặt ít nhất 2 lần/ngày….	-Chạy nhảy cầu thang, leo trèo, hay ngồi một chỗ. -Thức khuya, dùng điện thoại nhiều, …. -Ăn kiêng, cân nặng mất kiểm soát,…

- GV lắng nghe ý kiến chia sẻ của HS.
- GV nhận xét.

GV đưa ra câu hỏi để HS trả lời lí do vì sao nên hay không nên làm những việc đã nêu?

GV nhận xét và kết luận: Cơ thể tuổi dậy thì đòi hỏi dinh dưỡng và năng

- Cơ thể dậy thì sẽ tăng nhanh về chiều cao.
- Chất dinh dưỡng giúp xương chắc khoẻ và tăng chiều cao của cơ thể, vitamin và canxi là 1 trong những khoáng chất quan trọng.
- Chơi các môn thể thao, vận động nhiều giúp phát triển hệ xương và cơ thể săn chắc.
- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

lượng. Ăn uống hợp lý sẽ đảm bảo sức khỏe phòng 1 số bệnh về dinh dưỡng. Sử dụng thực phẩm giàu canxi và tăng cường vận động giúp hệ vận động được cung cấp đầy đủ khoáng chất. Phát triển tối đa chiều cao nếu không thường xuyên vận động và ăn uống ít cơ thể thiếu chất dinh dưỡng sẽ mệt mỏ,i tâm lý dễ bị ốm, điều này gây ảnh hưởng và làm chậm quá trình phát triển của trẻ em trong giai đoạn dậy thì.	
4. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV tổ chức trò chơi "Hỏi nhanh đáp nhanh" Chia lớp thành các nhóm: Mỗi nhóm xây dựng một số việc nên hoặc không nên làm trong vận động đối vơi trẻ em tuổi dậy thì? - Các nhóm trình bày. - GV và lớp nhận xét. Rút ra bài học cho bản thân. GV tuyên dương những nhóm có tình huống ấn tượng. - Dặn dò về nhà.	- HS lắng nghe. - HS thảo luận nhóm. VD: HS1: Chơi cầu lông HS2: Nên HS3: Trèo cây HS4: Không nên .....

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Hoạt động trải nghiệm:

HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THEO CHỦ ĐỀ:

THAM GIA HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- HS hiểu nội dung ý nghĩa và hình thức của hoạt động xã hội.
- Tham gia tích cực các hoạt động xã hội, hoạt động lao động công ích và các lễ hội truyền thống ở địa phương.
- Học sinh có được năng lực thích ứng với cuộc sống, năng lực thiết kế và tổ chức hoạt động.
- Rèn luyện và phát triển kĩ năng nghe – nói góp phần phát triển năng lực ngôn ngữ.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác
- Phẩm chất: nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV chuẩn bị:
+ Tranh ảnh về các hoạt động xã hội với các nội dung và hình thức khác nhau.
+ Video về các hoạt động xã hội.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

<table>
<tr><th>Hoạt động của GV</th><th>Hoạt động của HS</th></tr>
<tr><td colspan="2">1. Khởi động.</td></tr>
<tr><td>Hoạt động 1: Tung bóng.
- GV tổ chức trò chơi: Tung bóng
- Giáo viên nêu cách chơi:
Giáo viên tung bóng lần lượt cho từng học sinh và đề nghị học sinh nói tên một hoạt động xã hội bất kỳ mà em biết hoặc từng tham gia.
- Giáo viên tổ chức cho học sinh chơi.</td><td>- HS lắng nghe thầy/cô giáo hướng dẫn cách chơi.

- Học sinh chơi dưới sự giám sát của giáo viên.</td></tr>
<tr><td>- Giáo viên mời 2 - 3 học sinh chia sẻ cụ thể hơn về một vài hoạt động xã hội: đơn vị tổ chức, mục đích tổ chức, thành phần tham gia,...
- Kết luận: Có rất nhiều loại hình hoạt động xã hội được tổ chức với những mục đích khác nhau nhưng đều mang những ý nghĩa riêng nhằm mục đích giúp cho con người, xã hội, cộng đồng trở nên tốt đẹp hơn.</td><td>- Học sinh chia sẻ theo yêu cầu của giáo viên.

- Học sinh lắng nghe.</td></tr>
<tr><td colspan="2">2. Hoạt động khám phá – Trải nghiệm chủ đề.</td></tr>
<tr><td>Hoạt động 1: Tìm hiểu về hoạt động xã hội.
- Giáo viên tổ chức học sinh thảo luận nhóm, thực hiện các nhiệm vụ sau:
+ Chia sẻ về những hoạt động xã hội mà em biết hoặc đã từng tham gia.
+ Thảo luận để xác định: nội dung hoạt động xã hội, hình thức hoạt động xã hội, ý nghĩa của hoạt động xã hội đối với bản thân và cộng đồng.

- Giáo viên tổ chức cho các nhóm thảo luận, thực hiện nhiệm vụ.
- Giáo viên mời các nhóm trình bày kết quả thảo luận.</td><td>- Học sinh lắng nghe nhiệm vụ được giao.

- Học sinh thảo luận nhóm, thực hiện nhiệm vụ được giao
- Đại diện các nhóm trình bày kết quả thảo luận.
Gợi ý:</td></tr>
</table>

- **Kết luận:** *Hoạt động xã hội là những hoạt động hướng đến những vấn đề có nội dung rất đa dạng trong xã hội, huy động sự tham gia của nhiều người trong xã hội.*	*+ Nội dung hoạt động xã hội có thể là bảo vệ môi trường, tôn vinh giá trị tuyên truyền thống, bảo vệ quyền của những người yếu thế, ...* *+ Hình thức hoạt động xã hội rất đa dạng tạo cơ hội cho mọi người tham gia tự nguyện như lễ hội, lao động công ích, chạy hoặc đi bộ, chiến dịch, mit tinh,...* *+ Hoạt động xã hội có ý nghĩa tuyên truyền nhằm nâng cao ý thức của con người về nội dung hoạt động, tạo ra sự thay đổi để mang lại điều tốt đẹp cho con người, cho môi trường sống, giúp những người tham gia hoạt động xã hội thêm gắn kết và quan tâm hơn đến cộng đồng, đến mọi người, vì một cuộc sống tốt đẹp và hạnh phúc bền vững hơn.* - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Học sinh lắng nghe
3. Hoạt động luyện tập	
Hoạt động 2: Lập kế hoạch tham gia hoạt động xã hội ở địa phương. - GV mời học sinh chia sẻ những hoạt động xã hội ở địa phương mà mình muốn tham gia. - Giáo viên chia nhóm theo sở thích hoặc có mối quan tâm tới cùng một mảng hoạt động xã hội và yêu cầu học sinh thảo luận thực hiện nhiệm vụ sau: + Lập kế hoạch tham gia một hoạt động xã hội ở địa phương, theo gợi ý sau:  KẾ HOẠCH THAM GIA CÂU LẠC BỘ HÁT DÂN CA Nhóm Kim Đồng • Mục tiêu: Hát được một làn điệu dân ca • Nội dung hoạt động: Tham gia các hoạt động của câu lạc bộ hát dân ca • Địa điểm: Nhà sinh hoạt cộng đồng Số thứ tự / Nội dung công việc / Thời gian thực hiện / Người thực hiện / Dự kiến kết quả 1 / Học hát một làn điệu dân ca / Chiều thứ Bảy / Nga, Tùng, Vân, Thư / Thuộc lời và hát đúng giai điệu của bài dân ca... ... / ... / ... / ... / ...	- HS lần lượt chia sẻ những hoạt động xã hội ở địa phương mà mình muốn tham gia. Ví dụ: *Thăm hỏi gia đình neo đơn, tham gia kế hoạch mùa xuân là tết trồng cây, làm đẹp thôn xóm,...* - Học sinh lắng nghe nhiệm vụ được giao.

- GV mời HS làm việc nhóm, thảo luận và xây dựng kế hoạch tham gia một hoạt động xã hội ở địa phương. - Giáo viên mời lần lượt các nhóm chia sẻ kế hoạch trước lớp. - GV nhận xét về kế hoạch của các nhóm và khuyến khích học sinh tự tin mạnh dạn tham gia vào hoạt động xã hội tại địa phương.	- Các nhóm xây dựng một bản kế hoạch tham gia hoạt động xã hội phù hợp với sở thích, quan tâm của nhóm. - Đại diện mỗi nhóm trình bày kế hoạch đã xây dựng. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung ý kiến. - Các nhóm hoàn thiện lại bản kế hoạch tham gia hoạt động xã hội.
4. Hoạt động mở rộng và tổng kết.	
- Giáo viên mời học sinh thể hiện tinh thần sẵn sàng tham gia hoạt động xã hội theo kế hoạch đã lập bằng một động tác cơ thể hoặc một khẩu hiệu chung. Ví dụ: + Giáo viên hô: "tham gia hoạt động xã hội" + Cả lớp hô to: "Sẵn sàng" - GV biểu dương tinh thần của các em và kết luận: *Hoạt động xã hội tạo ra sự thay đổi để mang lại điều tốt đẹp cho con người, cho môi trường sống, giúp những người tham gia hoạt động xã hội thêm gắn kết và quan tâm hơn đến cộng đồng, đến mọi người, vì một cuộc sống tốt đẹp và hạnh phúc bền vững hơn. Vì vậy chúng ta cùng tham gia hoạt động xã hội dù đó là một hành động nhỏ như nhặt một vỏ chai bỏ đúng nơi quy định,...*	- Học sinh thực hiện theo yêu cầu của giáo viên. - HS lắng nghe.
5. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV đề nghị HS nêu nhanh những việc mình sẽ làm về hoạt động xã hội sau khi đi học về và cam kết thực hiện. - Nhận xét, dặn dò.	- HS lắng nghe và về suy nghĩ và nêu nhanh những việc mình sẽ làm và cam kết thực hiện. Ví dụ: dọn vệ sinh xung quanh nhà, bỏ rác đúng nơi quy định, giúp đỡ hàng xóm khi gặp khó khăn, trồng cây,... - Học sinh tham gia hoạt động xã hội theo kế hoạch đã lập. - HS lắng nghe, chuẩn bị.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Giáo dục thể chất:

DẪN BÓNG THAY ĐỔI TỐC ĐỘ, DẪN BÓNG THEO ĐƯỜNG VÒNG (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Thực hiện được động tác dẫn bóng thay đổi tốc độ, dẫn bóng theo đường vòng trong môn Bóng rổ.
- Bước đầu vận dụng được động tác dẫn bóng thay đổi tốc độ, dẫn bóng theo đường vòng vào trong các hoạt động tập thể, tổ chức chơi được một số trò chơi vận động phù hợp với yêu cầu.
- Biết sửa sai động tác thông qua nghe, quan sát và tập luyện.
- Hoàn thành lượng vận động của bài tập.
- Có trách nhiệm với tập thể và ý thức giúp đỡ bạn trong tập luyện, tự giác, dũng cảm, thường xuyên tập luyện TDTT.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: Tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; chăm sóc SK; vận động cơ bản; thể dục thể thao;...
- Phẩm chất: Đoàn kết, nghiêm túc, tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể. Tích cực tham gia các trò chơi vận động, có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi và hình thành thói quen tập luyện TDTT.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

+ Đối với giáo viên: Kẻ vẽ sân tập theo nội dung của bài học. Còi, cờ, tranh ảnh, băng đĩa hình, dụng cụ luyện tập.

+ Đối với học sinh chuẩn bị: Giày thể thao, trang phục thể thao, đảm bảo vệ sinh và an toàn trong tập luyện.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

- Phương pháp dạy học chính: sử dụng lời nói, trực quan (tranh, ảnh, làm mẫu), tập luyện, trò chơi và thi đấu.
- Hình thức dạy học chính: Tập luyện đồng loạt (tập thể), tập theo nhóm, tập luyện theo cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Nội dung	Định lượng	Phương pháp, tổ chức và yêu cầu	
		Hoạt động GV	Hoạt động HS
I. Hoạt động mở đầu	5-7’		
1. Nhận lớp: - Kiểm tra vệ sinh sân tập, trang phục tập luyện, sức khỏe của HS - Phổ biến nội dung, yêu cầu tiết học		Gv nhận lớp, thăm hỏi sức khỏe học sinh phổ biến nội dung, yêu cầu giờ học	Đội hình nhận lớp  - Cán sự tập trung lớp, điểm số, báo cáo sĩ số, tình hình lớp cho GV. - Hs lắng nghe, nắm nội dung bài học

2. Khởi động: - Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,... (theo nhạc) -Tập bài TDPTC với gậy (Theo nhạc)	2Lx8N 2Lx8N	- GV quan sát, nhắc học sinh tập đúng biên độ, nhịp hô.	Đội hình khởi động 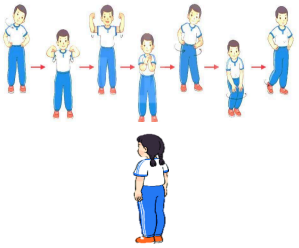 - HS khởi động theo sự điều khiển của cán sự.
3. Trò chơi bổ trợ khởi động: - Trò chơi "Làm theo chỉ huy" - Kiểm tra bài cũ	2-3 lần	- GV nêu tên trò chơi, cách chơi, luật chơi, sau đó GV tổ chức cho cả lớp chơi. - Gọi 1-2 em học sinh lên thực hiện - GV cùng HS quan sát và nhận xét, đánh giá.	Đội hình trò chơi  - HS chú ý nắm luật chơi, tích cực, chủ động tham gia trò chơi - Học sinh thực hiện theo yêu cầu của giáo viên
II. Hoạt động hình thành kiến thức mới:	5-7'		
1. Khám phá **2. Hình thành động tác mới:** * Dẫn bóng thay đổi tốc độ 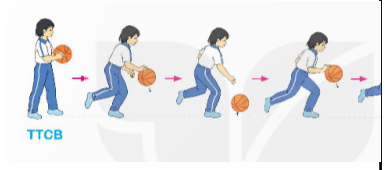 -TTCB: Đứng chân trước chân sau, hai tay cầm bóng trước bụng. -Động tác: Đưa bóng về một tay, dẫn bóng lên trước thay đổi tốc độ. Khi dẫn bóng chậm, điểm tiếp xúc của tay ở trên bóng và điểm bóng chạm sân gần người dẫn		- GV giới thiệu tên động tác. - GV làm mẫu động tác và phân tích kĩ thuật động tác. - Cho HS xem tranh, ảnh, video … nhấn mạnh ý chính của động tác. - GV nêu những lỗi sai thường mắc và cách khắc phục cho HS khi thực hiện động tác. - GV gọi 1-2 HS lên tập, GV cùng HS quan sát, nhận xét, rút kinh nghiệm	Đội hình HS quan sát tranh, tập mẫu  - HS quan sát tranh, HS hoặc nhóm thảo luận để trả lời câu hỏi. - Hs quan sát mẫu và ghi nhớ cách thực hiện. - Nêu các câu hỏi thắc mắc nếu có. -1 -2 HS lên thực hiện động tác. GV cùng HS

bóng; khi dẫn bóng nhanh, điểm tiếp xúc của tay ở nửa sau bóng, điểm bóng chạm sân xa người dẫn bóng.			nhận xét, đánh giá tuyên dương - HS lắng nghe
3. Trải nghiệm các động tác của bài tập		- GV gọi 3-5 HS thực hiện bài tập 1-2 lần - GV điều khiển cho HS tập	 - HS chú ý, tích cực tập luyện để nắm kĩ thuật động tác
III. Hoạt động luyện tập:	15-16’		
1. Tập theo tổ nhóm	3-4 lần	- GV giao nhiệm vụ cho tổ trưởng, phân luyện tập theo khu vực. - Quan sát, nhắc nhở và sửa sai cho HS	ĐH tập luyện theo tổ 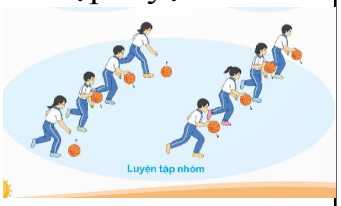 - Hs thực hiện theo điều khiển của tổ trưởng. HS quan sát và nhận xét lẫn nhau, giúp đỡ bạn tập chưa tốt.
2. Tập theo cặp đôi	2-3 lần	- GV cho 2 HS thành từng cặp để tập luyện.	 + Yêu cầu:1 HS tập, 1 HS hô và quan sát, nhận xét bạn tập… Sau đó 2 HS đổi vị trí cho nhau.
3. Thi đua giữa các tổ		- GV tổ chức cho HS thi đua giữa các tổ. - GV nhận xét đánh giá tuyên dương.	- Từng tổ lên thi đua - trình diễn - Hs nhận xét tổ bạn.
4. Trò chơi vận động: * Trò chơi: “Dẫn bóng theo hình số 8 tiếp sức”	1-2 lần	- GV nêu tên trò chơi, hướng dẫn cách chơi, luật chơi. - Tổ chức cho HS chơi thử sau đó chơi	ĐH chơi trò chơi

		chính thức, có thi đua. *Chú ý: GV nhắc HS đảm bảo an toàn trong khi chơi.*	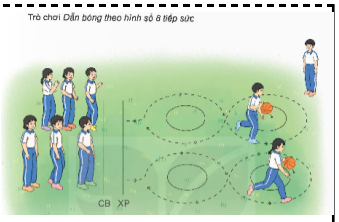 - Hs chơi theo hướng dẫn của Gv -HS tích cực tham gia chơi trò chơi vận động.
IV. Hoạt động vận dụng	4-5’		
1. Hồi tĩnh: - Thả lỏng cơ toàn thân (Theo nhạc). ***2. Vận dụng:***		- GV điều hành lớp thả lỏng cơ toàn thân - GV nêu câu hỏi vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống	Đội hình hồi tĩnh 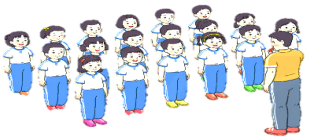 - Học sinh thực hiện theo yêu cầu của giáo viên - HS trả lời câu hỏi vận dụng vào thực tế đời sống Vận dụng: Qua bài học, HS vận dụng bài tập thể dục vào buổi sáng, để rèn luyện sức khỏe, và chơi trò chơi cùng các bạn trong giờ ra chơi.
3. Nhận xét và hướng dẫn tự tập luyện ở nhà: - Ưu điểm; Hạn chế cần khắc phục - Hướng dẫn tập luyện ở nhà		- GV nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của HS, đồng thời đưa ra hướng khắc phục hoặc trả lời câu hỏi của HS. - HD học sinh tập ở nhà.	- HS lắng nghe để khắc phục Đội hình kết thúc 
4. Xuống lớp			- HS đi theo hàng về lớp

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Thứ Ba ngày 17 tháng 03 năm 2026

Tiếng Việt:

VIẾT: ĐÁNH GIÁ, CHỈNH SỬA CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

- Biết đánh giá, chỉnh sửa chương trình hoạt động đựa trên gợi ý của SHS và GV.
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: ngôn ngữ; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác
- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV mời HS nêu hoạt động mình đã viết chương trình ở tiết trước, tự nhận xét về bài làm của mình. - GV nêu kết quả chung về bài viết của HS ở tiết trước, nêu những ưu điểm của các em. - GV nhận xét, tuyên dương những HS có bài viết tốt trình bày đẹp. - GV dẫn dắt vào bài mới.	- 2 HS nêu. - HS lắng nghe
2. Luyện tập	
Bài 1: Nghe thầy cô nhận xét - GV mời HS đọc lại đề bài và nêu yêu cầu của đề bài. GV nêu số HS viết chương trình cho mỗi hoạt động. - GV nhận xét về ưu điểm, hạn chế theo từng mục của bản chương trình hoạt động: + Mục đích chương trình đặt ra đã đúng chưa? + Địa điểm và thời gian thực hiện chương trình đã phù hợp chưa? + Việc chuẩn bị để thực hiện chương trình đã đầy đủ chưa?	- HS đọc 2 đề bài. Cả lớp lắng nghe bạn đọc. - Xem lại bài viết của mình khi nghe GV nhận xét, có thể đánh dấu vào những chỗ có lỗi mà thầy cô đã nêu.

+ Việc xác định các nội dung cụ thể và phân bổ thời gian đã hợp lí chưa? - GV nêu ưu điểm và hạn chế về mặt hình thức: lỗi chính tả, lỗi sử dụng dấu câu, lỗi sử dụng từ ngữ, lỗi diễn đạt,..	- HS lắng nghe, tiếp thu.
Bài 2: Đánh giá bản chương trình hoạt động: - Mời 1 HS nêu hoạt động đã chọn để viết chương trình và yêu cầu. - Hướng dẫn HS đọc phần gợi ý trong SGK, dựa vào những nhận xét của thầy cô, tự đánh giá bản chương trình của mình theo các mục đã nêu trong phần gợi ý. *Tham khảo phần đánh giá chương trình phát động phong trào xây dựng tủ sách của lớp.* + Mục đích: Đã xác định và viết đúng. + Địa điểm và thời gian thực hiện: Phù hợp với hoạt động. + Công tác chuẩn bị: Cần mời thêm thầy cô phụ trách thư viện cùng tham gia chương trình phát động. + Nội dung các việc cụ thể và phân bổ thời gian: Điều chỉnh thời gian cho một số nội dung, cụ thể: giảm bớt thời gian ở nội dung Thống nhất kế hoạch và triển khai thực hiện, thêm thời gian cho nội dung Các tổ trao đổi kế hoạch thực hiện	- HS đọc thầm lại bản chương trình. - Đánh giá bản chương trình hoạt động dựa vào nhận xét của GV, các ghi chép ở tiết trước và theo từng mục trong phần gợi ý. - HS tham khảo
Bài 3: Chỉnh sửa bản chương trình hoạt động - GV hướng dẫn HS dựa vào nhận xét của thầy cô giáo, kết quả đánh giá ở mục 2 và những lỗi đã ghi chép trong hoạt động đã viết ở Bài 14 để: + Chỉnh sửa nội dung (hoạt động cụ thể, thời gian, phân công,…)lỗi hoặc bổ sung các ý còn thiếu (nếu có) vào bản chương trình. + Sửa hình thức trình bày. - GV chiếu cho HS tham khảo về kế hoạt hoạt động *"Chương trình phát động phong trào xây dựng tủ sách của lớp"* Thời gian: tiết sinh hoạt lớp	- HS làm việc cá nhân: - Đọc lại bản chương trình, lưu ý những chỗ đã đánh dấu hoặc ghi lại. + Chỉnh sửa chương trình theo nội dung đánh giá ở hoạt động 3 và những lỗi đã đánh dấu và ghi lại trong quá trình thầy cô nhận xét và rà soát ở tiết trước. + Lưu ý sửa lỗi chính tả, lỗi diễn đạt. - HS tham khảo, rút kinh nghiệm

Thời gian	Nội dung	Người phụ trách
5 – 7 phút	Phát biểu về mục đích, yêu cầu của việc xây dựng tủ sách của lớp; thời gian thực hiện.	Lớp trưởng
10 phút	Kế hoạch thực hiện và kết quả mong đợi.	Chi đội trưởng
20 phút	Các tổ trao đổi về kế hoạch thực hiện của tổ và dự kiến một số kết quả cụ thể.	Các tổ trưởng
10 phút	Thống nhất kế hoạch và triển khai thực hiện	Lớp trưởng

4. Vận dụng trải nghiệm.

- GV hướng dẫn HS thực hiện yêu cầu: Chia sẻ với người thân về những hoạt động được thể hiện trong bản chương trình mà em đã viết.	- HS lắng nghe, thực hiện
- GV hỏi HS thấy nội dung nào của Bài 15 thú vị, dễ nhớ.	- HS nếu theo ý kiến cá nhân
- GV nhận xét kết quả học tập của HS. Khen ngợi, động viên các em học tập tích cực.	- HS lắng nghe
- Dặn HS đọc trước Bài 16	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Toán:

BÀI 55: LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾT 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- HS nhận biết được hình khai triển của hình hộp chữ nhật và hình trụ.
- HS tính được diện tích xung quanh diện tích toàn phần thể tích của hình hộp chữ nhật hình lập phương và vận dụng được vào để giải quyết tình huống thực tế.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: lập luận, tư duy toán học và giao tiếp toán học; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Phiếu HT. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Đồ dùng học tập môn Toán.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. Quan sát các hình và cho biết: 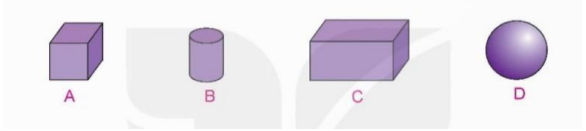	- HS tham gia trò chơi

+ Câu 1: Hình lập phương là? Hình hộp chữ nhật là? + Câu 2: Hình trụ là? + Câu 3: Diện tích xung quanh của hình hộp chữ nhật? Câu 4: Diện tích toàn phần của hình lập phương? - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	+ Trả lời: A: Hình LP và C: Hình HCN + Trả lời Hình B + Trả lời: A. Chu vi đáy nhân với chiều cao + Trả lời: C. Diện tích 1 mặt nhân với 6 - HS lắng nghe.

2. Hoạt động thực hành

Bài 1. Chọn câu trả lời đúng

- GV mời hs đọc yêu cầu bài.
- GV mời HS làm việc cá nhân chọn đáp án đúng.
- GV Nhận xét tuyên dương.

- Hs đọc yêu cầu bài.
- Hs làm việc các nhân giơ kq bằng hoa đáp án.
+ Đ/a: B

Bài 2. Hoàn thành bản sau:

- YC hs đọc đề bài, HD hs phân tích đề
- YC hs hđ nhóm bàn

Hình lập phương	Hộp thứ nhất	Hộp thứ 2
Độ dài cạnh	8 dm	0,5 m
S xung quanh	?	?
S toàn phần	?	?

- GV mời đại diện các nhóm trả lời.
- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

- Hs đọc, phân tích đề theo HD của GV
- HS làm việc nhóm bàn

Hình lập phương	Hộp thứ nhất	Hộp thứ 2
Độ dài cạnh	8 dm	0,5 m
S xung quanh	256 dm^2	1 m^2
S toàn phần	384 dm^2	1,5 m^2

- Đại diện các nhóm trả lời.
- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- HS lắng nghe, sửa sai (nếu có).

Bài 3.

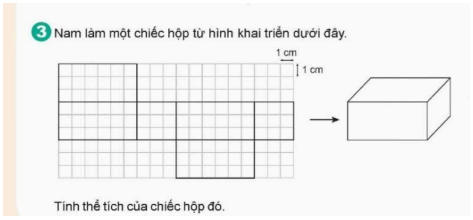

- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài.
- GV mời lớp làm việc nhóm , thực hiện theo yêu cầu.
- GV mời đại diện các nhóm trả lời.
+ Hộp dạng hình gì?
+ Kích thước dài ,rộng,cao của hình?

+ Cách tính thể tích hình hộp chữ nhật?
+ Thể tích chiếc hộp Nam làm là bao nhiêu?

- GV mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, tuyên dương.

- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe.
- HS lắng nghe cách làm và hđ nhóm.
- Đại diện các nhóm trình bày.

+ Hình hộp chữ nhật.
+ chiều dài 6 cm, chiều rộng 3 cm, chieều cao 3cm.
+ Dài nhân rộng nhân cao
+ Thể tích chiếc hộp Nam làm là:

	$6 \times 3 \times 3 = 54$ $6 \times 3 \times 3 = 54$ cm^3 - Nhận xét bổ sung cho nhóm bạn
4. Vận dụng trải nghiệm.	
Bài 4. Việt có một chiếc hộp gỗ (có nắp) dạng hình hộp chữ nhật, có chiều dài 25cm, chiều rộng 20 cm, chiều cao 10cm. Việt sơn màu nâu lên các mặt xung quanh và màu vàng lên hay mặt đáy của chiếc hộp đó. Tính diện tích toàn phần được sơn màu nâu.  - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - GV mời cả lớp suy nghĩ và tìm hiểu. - GV mời HS trả lời. - GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết học. - Dặn dò bài về nhà.	- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe. - Lớp làm việc cá nhân. - HS trả lời: + Diện tích xung quanh chính là diện tích sơn màu nâu của hộp. Vậy diện tích sơn màu nâu là: $(25 + 20) \times 2 \times 10 = 900$ $(25 + 20) \times 2 \times 10 = 900$ cm^2

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Lịch sử & Địa lí:

Bài 20: VƯƠNG QUỐC CAM-PU-CHIA (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Xác định được vị trì địa lí của cam-pu-chia trên bản đồ hoặc lược đồ.
- Nêu được một số đặc điểm cơ bản về tự nhiên và dân cư của nước cam-pu-chia.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh

1. Khởi động:

- GV yêu cầu học sinh quan sát hình 1 và trả lời câu hỏi: *Công trình kiến trúc nào được thể hiện trên Quốc kì Vương quốc Cam-pu-chia?*	- HS quan sát tranh, suy nghĩ và trao đổi với bạn.
- GV gọi 2-3 HS trả lời câu hỏi.	- 2-3 HS trả lời câu hỏi
- GV gọi HS nhận xét, bổ sung.	- HS nhận xét, bổ sung
- GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài mới: *Ăng - co Vát là quần thể đền đài tại cam-pu-chia, thu hút du khách hàng đầu nước này. Công trình là đỉnh cao của phong cách kiến trúc khơ-me, trở thành biểu tượng của đất nước và xuất hiện trên Quốc kì Cam-pu-chia.*	- HS lắng nghe

2. Khám phá:

Hoạt động 1: Tìm hiểu về vị trí địa lí của nước Cam-pu-chia.	
- Tổ chức học sinh hoạt động nhóm đôi thực hiện các yêu cầu: Đọc thông tin và quan sát hình 2, xác định vị trí của Cam-pu-chia trên lược đồ.	- Hoạt động nhóm đôi và thực hiện yêu cầu.
- Giáo viên theo dõi kiểm tra.	- Học sinh xác định vị trí của Cam-pu-chia trên lược đồ.
- Gọi học sinh xác định vị trí của Cam-pu-chia trên lược đồ.	
- GV đặt một số câu hỏi khai thác nội dung kiến thức về Cam-pu-chia.	- Học sinh lắng nghe và trả lời câu hỏi.
+ Cam-pu-chia là đất nước thuộc khu vực nào của châu Á?	+ Cam-pu-chia thuộc khu vực Đông Nam Á của châu Á.
+ Kể tên các quốc gia tiếp giáp với Cam-pu-chia.	+ Cam-pu-chia tiếp giáp các quốc gia: Lào và Thái Lan ở phía bắc, Việt Nam ở phía đông, vịnh Thái Lan ở phía tây nam.
	- Học sinh lắng nghe.
- GV nhận xét, tuyên dương học sinh.	- HS lắng nghe, ghi nhớ.
- GV nhận xét, kết luận: *Cam-pu-chia tiếp giáp với Lào và Thái Lan ở phía bắc, Việt Nam ở phía đông, vịnh Thái Lan ở phía tây nam.*	
Hoạt động 2. Tìm hiểu về đặc điểm tự nhiên và dân cư Cam-pu-chia	
2.1. Tìm hiểu đặc điểm tự nhiên của Cam-pu-chia:	
- GV yêu cầu HS đọc thông tin mục 2 và quan sát hình 2.	- HS đọc thông tin và quan sát.
- GV yêu cầu HS hoạt động nhóm đôi, hoàn thành bảng dưới đây:	- HS hoạt động nhóm đôi, hoàn thành bảng

Thành phần	Đặc điểm

Địa hình	
Khí hậu	
Sông, hồ	

- GV goi 1-2 cặp trình bày kết quả.

- 1-2 cặp trình bày kết quả.

Thành phần	Đặc điểm
Địa hình	Chủ yếu là đồng bằng
Khí hậu	Cận xích đạo, với một mùa mưa và một mùa khô rõ rệt.
Sông, hồ	-Sông Mê Công là sông lớn nhất, cung cấp lượng nước dồi dào cho đất nước này. - Hồ Tôn-lê Sáp của Cam-pu-chia là hồ nước ngọt lớn nhất Đông Nam Á.

- GV gọi các cặp khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét, kết luận.
- Giáo viên tổ chức cho học sinh đọc mục em có biết trang 86 về hồ Tôn-lê Sáp và quan sát một số hình ảnh hoặc video về thiên nhiên của Cam-pu-chia để có cái nhìn trực quan hơn.

- Các cặp khác nhận xét, bổ sung.
- HS chú ý, lắng nghe.
-HS đọc mục em có biết? Quan sát các hình ảnh, video.

3. Luyện tập

Hoạt động 3: Thực hành xác định vị trí địa lí của Cam-pu-chia trên lược đồ, bản đồ.

- Giáo viên sử dụng lược đồ, bản đồ (có thể sử dụng lược đồ Hình 2), nêu yêu cầu của hoạt động (*xác định trên lược đồ vị trí của Cam-pu-chia kết hợp nêu tên các quốc gia tiếp giáp với Cam-pu-chia, một số dãy núi, sông và hồ lớn ở Cam-pu-chia.*)
- Tổ chức học sinh thực hành.
- Tổ chức học sinh nhận xét, góp ý.
- GV nhận xét, tuyên dương học sinh.

- Lắng nghe giáo viên hướng dẫn.
- Thực hiện cá nhân.
- HS nhận xét, góp ý.
- Lắng nghe, rút kinh nghiệm.

4. Vận dụng trải nghiệm.

- GV yêu cầu học sinh:
+ Chia sẻ những điều em đã học được với người thân.
+ Tìm và xác định vị trí của Cam-pu-chia trên một số lược đồ, bản đồ khác.
- Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.

- Học sinh lắng nghe.
- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

BUỔI CHIỀU:

Đạo đức:

Bài 7: PHÒNG, TRÁNH XÂM HẠI (Tiết 1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Nêu được một số biểu hiện xâm hại.
- Biết vì sao phải phòng tránh xâm hại.
- Biết được một số quy định cơ bản của pháp luật về phòng, tránh xâm hại trẻ em.
- Thực hiện được một số kĩ năng để phòng, tránh xâm hại.

* Góp phần hình thành và phát triển :

- Năng lực: Tự chủ và tự học; giao tiếp, hợp tác; điều chỉnh hành vi và phát triển bản thân thông qua việc biết phòng tránh xâm hại cho bản thân.
- Phẩm chất trách nhiệm: thể hiện qua việc biết quý trọng bản thân, biết phòng. tránh và chống lại các hành vi xâm hại trẻ em.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- Giáo viên cho học sinh nghe, hát bài "Tự bảo vệ mình nhé" (sáng tác Nguyễn Văn Chung) - GV cùng trao đổi với HS về nội dung, ý nghĩa bài hát: *Bài hát nhắc nhở chúng ta điều gì để bảo vệ bản thân chúng ta cần làm gì?* - Giáo viên mời 1-2 học sinh trả lời câu hỏi. - Giáo viên nhận xét kết luận dẫn vào bài mới: *Cơ thể của chúng ta thuộc về chính chúng ta. Không ai có quyền làm bất cứ điều gì với cơ thể chúng ta mà khiến ta khó chịu. Bài học này sẽ giúp các em biết cách phòng tránh xâm hại để bảo vệ bản thân mình.*	- Học sinh nghe, hát theo bài hát "Tự bảo vệ mình nhé". - Cùng trao đổi về nội dung và ý nghĩa bài hát. - Bài hát nhắc nhở chúng ta cách bảo vệ bản thân mình để bảo vệ bản thân chúng ta cần nhớ ba bước: nói không nếu lo sợ; bỏ đi ngay; kể lại với cha mẹ. - HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá:	
Hoạt động 1: Tìm hiểu một số biểu hiện xâm hại trẻ em.	

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
Nhiệm vụ 1: Quan sát tranh và thực hiện yêu cầu (10 phút) - Giáo viên hướng dẫn học sinh quan sát 4 bức tranh trong sách giáo khoa. - GV yêu cầu HS thảo luận nhóm đôi: Nêu biểu hiện xâm hại trẻ em trong các bức tranh 1, 2, 3, 4? - Giáo viên mời đại diện các nhóm trả lời câu hỏi.  **- GV nhận xét, tuyên dương** - Giáo viên kết luận: 4 bức tranh thể hiện bốn biểu hiện của việc xâm hại: + Tranh 1: xâm hại thể chất + Tranh 2: xâm hại tình dục + Tranh 3: bỏ mặc, xao nhãng + Tranh 4: xâm hại tinh thần *Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu mở rộng (5 phút)* - Giáo viên yêu cầu học sinh thảo luận nhóm 4: Kể thêm các biểu hiện khác của xâm hại trẻ em mà em biết? - GV quan sát hỗ trợ các nhóm gặp khó khăn khi thực hiện nhiệm vụ. - Giáo viên mời học sinh đại diện nhóm trình bày kết quả thực hiện nhiệm vụ. - Giáo viên nhận xét, tuyên dương	- Học sinh làm việc cá nhân, quan sát tranh, thảo luận nhóm đôi để thực hiện yêu cầu, ghi kết quả vào nháp. - Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận + Tranh 1: bạn nam bị người đàn ông đánh gây đau đớn. + Tranh 2: bạn nữ bị người đàn ông chạm vào người khiến bạn khó chịu sợ hãi. + Tranh 3: bạn nam đói mệt mà bố không quan tâm. + Tranh 4: bạn nam bị mẹ mắng ở nơi công cộng khiến bạn xấu hổ. - HS lắng nghe và nhắc lại - Học sinh thảo luận nhóm 4, ghi kết quả vào nháp. - Đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. Một số biểu hiện khác của xâm hại trẻ em như: 1. Xâm hại thể chất: Đánh đập, mua bán trẻ em, bóc lột sức lao động… 2. Xâm hại tinh thần: Chửi mắng, chì chiết, cấm ra khỏi nhà, buộc phải chứng kiến cảnh bạo lực,… 3. Bỏ mặc, xao nhãng: Bỏ rơi, bỏ mặc bắt nhịn ăn, nhịn uống, bắt chịu rét, mặc rách, không cho hoặc hạn chế vệ sinh cá nhân,… 4. Xâm hại tình dục: Dụ dỗ, xúi bẩy, lôi kéo, ép buộc thực hiện một số hành vi mang tính chất kích dục,…

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
- GV kết luận: Có nhiều biểu hiện khác của xâm hại trẻ em, mỗi học sinh cần nhận diện được các biểu hiện đó để có cách phòng tránh phù hợp.	
3. Hoạt động luyện tập, thực hành	
Bài tập 1: Bày tỏ ý kiến (6 phút) - GV yêu cầu HS làm bài tập 1/53 - Yêu cầu HS trao đổi bài làm + Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?  – GV gọi HS bày tỏ ý kiến – GV mời một vài HS giải thích vì sao em đồng tình hoặc không đồng tình. – GV nhận xét, kết luận.	- HS làm việc cá nhân. - HS bày tỏ ý kiến. + Đồng tình với các ý kiến: a. Vì trẻ em cũng như các cá nhân cần được bảo vệ về tính mạng, sức khoẻ, danh dự, nhân phẩm, do vậy mọi trẻ em đều có quyền được bảo vệ khỏi các hình thức xâm hại. d. Vì thủ phạm xâm hại trẻ em có thể là bất kì ai, ngay cả bạn bè cùng tuổi. e. Vì bất kì ai cũng có thể là nạn nhân của xâm hại tình dục. + Không đồng tình với các ý kiến: b. Vì thủ phạm xâm hại trẻ em vừa có thể là người mà trẻ quen biết, vừa có thể là những người lạ mà trẻ không quen biết. c. Vì nhiều trẻ em bị xâm hại bởi chính người quen, thân của trẻ. - Các HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.
Bài tập 2: Nhận diện hành vi (6 phút)	– HS đọc bài tập, thảo luận cặp đôi, viết kết quả thảo luận vào nháp.

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
– GV yêu cầu HS bài tập 2 trong SGK, thảo luận cặp đôi để nhận diện các biểu hiện của xâm hại. + Những hành vi nào dưới đây là biểu hiện của xâm hại? Vì sao? 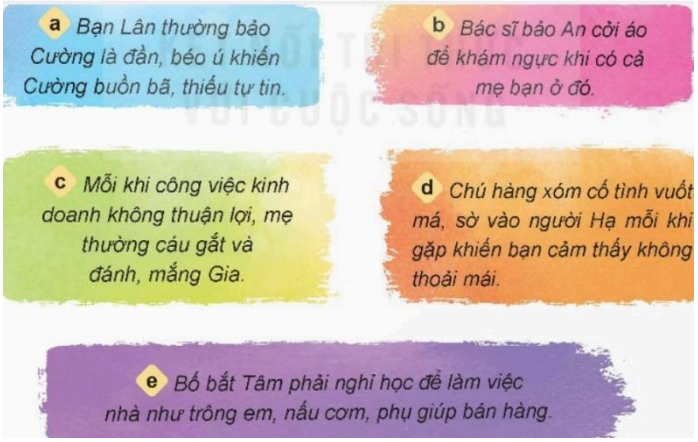 - GV gọi đại diện trình bày trước lớp. - GV mời một số nhóm khác nhận xét, nêu ý kiến. - GV nhận xét, tuyên dương.	- HS đại diện nhóm trình bày kết quả thảo luận. a. Đây là biểu hiện của việc xâm hại về tinh thần đối với Cường vì khiến bạn trở nên buồn bã, thiếu tự tin. b. Không phải là biểu hiện của xâm hại vì bác sĩ khám ngực cho An khi có cả mẹ bạn ở đó. c. Đây là biểu hiện của xâm hại tinh thần và xâm hại thể chất vì đã làm bạn tổn thương về tâm lí, chịu đau đớn về cơ thể,.... d. Đây là biểu hiện của xâm hại tình dục vì việc vuốt má và sờ vào người Hạ của người hàng xóm làm bạn sợ hãi, không thoải mái. e. Đây là biểu hiện của việc xao nhãng (có cả biểu hiện xâm hại thể chất, tinh thần) vì bố đã đối xử tệ với Tâm, bắt bạn phải nghỉ học để làm các công việc nhà. - HS các nhóm bạn nhận xét, nêu ý kiến
3. Củng cố, dặn dò (1 phút). - Dặn HS yêu cầu về nhà: Tìm hiểu Vì sao phải phòng, tránh xâm hại	

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Luyện Tiếng Việt:

LUYỆN TẬP VỀ LIÊN KẾT CÂU

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Giúp học sinh củng cố kiến thức: về các cách liên kết câu trong đoạn văn

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. HĐ Khởi động - GV tổ chức cho Hs hát - GV dẫn dắt vào bài mới	 - HS thực hiện - HS lắng nghe
2. HĐ Luyện tập, thực hành. **Bài 1. Gạch dưới những từ ngữ dùng để liên kết câu trong các đoạn văn sau và nêu rõ cách liên kết của chúng.** a) Có một cậu bé luôn mơ ước được bay như chim trên trời. Cậu bé quà tình không hiểu tại sao những con vột ở thảo cầm viên trông nhỏ bé hơn mình nhiều mà lại bay được. "Tại sao mình không bay được nhỉ?" - Câu bé tự hỏi. (Theo *Hạt giống tâm hồn)* b) Kevin là đứa trẻ mười bốn tuổi điển trai với mái tóc vàng, đôi mắt xanh và thằng bé bị điếc ngay từ khi lọt lòng. Tuy nhiên, tôi luôn cố gắng dạy con không được bỏ cuộc. Và thằng bé đã không đầu hàng, nó đạt thành tích tuyệt vời cả trong học tập lẫn thể thao. (Theo *Chiêm ngưỡng núi lửa)* c) Hài âu mặt trắng là một loài chim sống chủ yếu ngoài biển khơi, có chiều dài cơ thể là 48 cm và sài cánh là 122 cm. Loài chim này sống ở Thái Bình Dương, làm tổ ở Nhật Bản và các đảo xa bờ của nước này. Sau khi sinh nở, chim hải âu mặt trắng sẽ di trú về phía nam nước úc. (Theo *Báo Khoa học khám phá* số 44/2023)	 - HS làm bài cá nhân - Chia sẻ kết quả với bạn bên cạnh để thống nhất kết quả đúng. - Chia sẻ kết quả trước lớp - Lớp nhận xét, bổ sung
Bài 2. Điền từ ngữ phù hợp để liên kết các câu dưới đây: a) Trong khu rừng nọ có một chú thỏ con sống cùng mẹ. Ngày nào(1)..... cũng chạy ra bờ sông uống nước. Trước khi đi, (2).....được mẹ nhắc: "Con phải cẩn thân nhé vì cáo cũng hay ra sông dạo chơi lắm đây!". Một ngày nọ, khi vừa mới cúi xuống mặt sông chuẩn bị uống nước,(3)..... bốt ngờ thây cáo. (Theo *Chú thỏ thông minh)* b) Một hôm, chồn mài chơi, bị lạc vào sâu trong rừng mà không biết đường	- HS làm bài cá nhân - Trao đổi chéo để kiểm tra và thống nhất kết quả với bạn bên cạnh - Chia sẻ kết quả trước lớp. - Các cặp khác theo dõi, nhận xét và bổ sung

ra.(1)..... lang thang mãi mới tìm được bàng chỉ đường.(2)..... khổ nỗi, vì không biết chữ nên (3)..... không đọc được.(4)..... ngồi xuống vừa khóc vừa hối hận; nếu chịu khó đi học biết chữ thì bây giờ đâu phải như thế này. (Theo *Chú chồn lười học)* *c)* Trong rừng có một chú gấu con rốt thích của ngọt: mạt ong, bánh ga-tô, các loại kẹo,...(1).....ân bao nhiêu cũng chẳng chán.(2).....nhai kẹo suốt ngày. Một hôm, răng của (3)..... bị đau nhức.(4)..... ôm mạt khóc tu tu. Nhà có bao nhiêu bánh kẹo thơm ngon nhưng vì đau răng nên (5)..... chẳng nhốm nháp được tí nào. (Theo *Gấu con bị sâu ráng)* **Bài 3. Dùng kết từ đã cho, nối câu *ở* cột bên trái với cột bên phải cho phù hợp để tạo câu ghép và chép lại.** "Vì vậy" "Thế nhưng" "Trong khi đó" " Đột nhiên" - Cá sấu tin lời, chở khỉ quay trở lại để lấy quả tim. - ngỗng và rùa lên kế hoạch đi tìm một chỗ ở mới. - Mùa hè đến, trời bắt đầu nóng lên khiến hồ nước dần cạn kiệt. - mẹ của chó rừng lại nói con mình có hàm ràng sắc bén nhất. - Cáo đang đi dạo xung quanh và tận hưởng cảm giác lâng lâng khi mới ăn một bữa ngon lành. - con cáo bất ngờ té xuống một cái giếng sâu nhưng không có nhiều nước. -khi đến nơi, khỉ đã thoân thoắt trèo lên cây và chẳng mấy chốc biến mất Mẹ nai nói rằng con mình là to lớn nhất. - GV nhận xét, chốt kết quả. *GV chốt tác dụng của các cách liên kết câu….* - GV nhận xét, chốt kết quả liên hệ cách dùng từ phù hợp **3. HĐ Vận dụng**	- HS làm bài cá nhân - Chia sẻ kết quả trước lớp. - Lớp nhận xét và bổ sung

- Chia sẻ với người thân cách viết từ thay thế - GV nhận xét, bổ sung, tuyên dương HS. - Nhận xét giờ học. - Dặn chuẩn bị bài sau.	- HS thực hiện - HS chia sẻ.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Thứ Tư ngày 18 tháng 03 năm 2026

Toán:

BÀI 55: LUYỆN TẬP CHUNG (TIẾT 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- HS nhận biết được hình khai triển của hình hộp chữ nhật.
- HS tính được diện tích xung quanh hình hộp chữ nhật, thể tích hình hộp chữ nhật và hình lập phương và vận dụng được vào để giải quyết tình huống thực tế.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: lập luận, tư duy toán học và giao tiếp toán học; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Phiếu HT. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Đồ dùng học tập môn Toán.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Điền số thích hợp vào dấu chấm: Hình hộp chữ nhật có …mặt? + Câu 2: S xung quanh củ hình hộp chữ nhật có kích thước: a = 5 cm , b= 3cm, c= 2cm + Câu 3:Thể tích hình hộp chữ nhật có kích thước: a = 5 cm , b= 3cm, c= 2cm + Câu 4: Thể tích hình lập phương có canh 6 cm ? - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: A. 6 mặt + Trả lời: C. 32 cm^2 + Trả lời: B. 16 cm^3 + Trả lời: A .216 cm3 - HS lắng nghe.
2. Hoạt động thực hành	
Bài 1. Chọn câu trả lời đúng.	

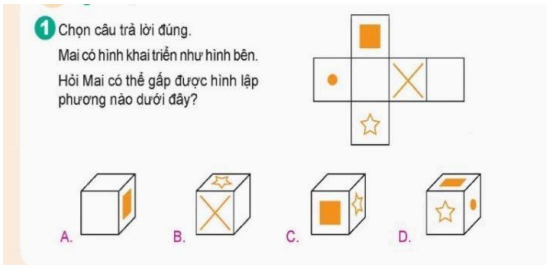 - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - GV mời lớp làm việc chung: Quan sát hình Chọn đáp án và giải thích vì sao. - GV mời HS trả lời. - GV nhận xét, tuyên dương.	- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe. - Lớp làm việc chung: Quan sát hình chọn đáp án B. Vì mặt đáy có hình ngôi sao và hình vuông, mặt bê có hình X và chấm tròn. - Nhận xét
Bài 2. - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. + Diện tích nhựa cứng cần dùng là diện tích gì của chiếc hộp? - GV mờiHS lên bảng làm - GV nhận xét, tuyên dương.	- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe. + Là diện tích toàn phần của chiếc hộp hình lập phương. - HS lên bảng làm. Diện tích phần nhựa cứng mà chú Nhân cần dùng là: $2,5 \times 2,5 \times 6 = 37,5$ $2,5 \times 2,5 \times 6 = 37,5$ (dm^2) Đ/S: 37,5 37,5 (dm^2)
Bài 3. Bác thợ mộc có một khối gỗ dạng hình hộp chữ nhật với kích thước như hình vẽ dưới đây, bác cắt đi một phần gỗ dạng hình lập phương cạnh 2 đề xi mét để làm đế đở chậu cây và phần còn lại dùng làm ghế tính thể tích. Phần gỗ dùng làm ghế. - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - GV HD HS phân tích đề, tìm cách làm - Gọi 1 hs nêu cách làm - Mời 1 hs lên bảng làm bài 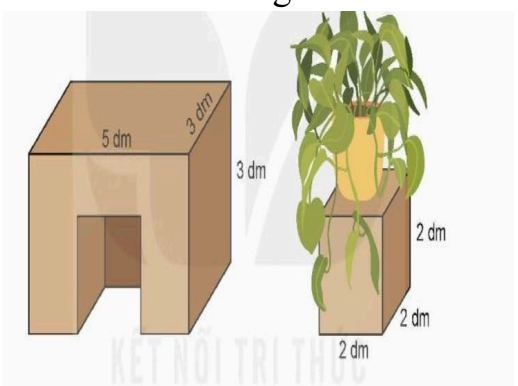	- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe. - Hs lắng nghe. - 1 Hs nêu cách làm của mình + Diện tích phần được lép gạch chính là diện tích xung quanh và diện tích đáy dưới của bể bơi. - 1 hs lên bảng trình bày Diện tích xung quanh của bể bơi là: $(25 + 8) \times 2 \times 1,4 = 92,4$ $(25 + 8) \times 2 \times 1,4 = 92,4$ (m^2) Diện tích đáy bể là: $25 \times 8 = 200$ $25 \times 8 = 200$ (m^2)

- GV nhận xét, tuyên dương.	Diện tích phần lát gạch là: $92,4 + 200 = 292,4$ $92,4 + 200 = 292,4$ (m^2) Đ/S : $292,4$ $292,4$ (m^2) - Nhận xét, bổ sung.
4. Vận dụng trải nghiệm.	
Bài 4. Chú Tư xếp các hộp đựng loa lên xe tải có kích thước thùng xe như trong hình vẽ, biết các hộp đều có dạng hình hộp chữ nhật với chiều dài 0,5m, chiều rộng 0,4m và chiều cao 0,3m. Hỏi chú Tư có thể xếp được 64 hộp như vậy lên thùng xe hay không? 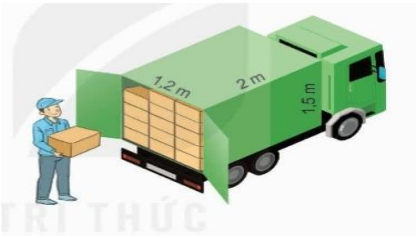 - GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài. - GV mời hs hoạt động nhóm bàn. - GV mời HS trả lời. - GV mời các HS khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết học. - Dặn dò bài về nhà.	- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp lắng nghe. - Lớp làm việc nhóm bàn. - HS trả lời: +Thể tích thùng xe là: $2 \times 1,2 \times 1,5 = 3,6$ $2 \times 1,2 \times 1,5 = 3,6$ m^3 +Thể tích của 1 hộp đựng loa là: $0,5 \times 0,4 \times 0,3 = 0,06$ $0,5 \times 0,4 \times 0,3 = 0,06$ m^3 +Thể tích của 64 hộp đựng loa là: $0,06 \times 64 = 3,84$ $0,06 \times 64 = 3,84$ m^3 Vậy chú Tư không thể xếp được 64 hộp đựng loa lên thùng xe. - HS khác nhận xét, bổ sung (nếu có).

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Tiếng Việt:

ĐỌC: VỀ THĂM ĐẤT MŨI (2 tiết)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

- Đọc đúng từ ngữ, câu, đoạn và toàn bộ bài thơ Về thăm Đất Mũi. Biết đọc diễn cảm bài thơ với giọng điệu phù hợp, nhấn giọng ở những từ ngữ nêu vẻ đẹp của Đất Mũi.
- Đọc hiểu: Thơ và đặc trưng của văn bản thơ (ngôn ngữ giàu hình ảnh, khổ thơ, vần nhị p trong thơ, thể thơ). Nhận biết được vẻ đẹp của Đất Mũi thông qua các hình ảnh so sánh, nhân hoá.
- Hiểu được: điều tác giả muốn gửi gắm qua bài thơ: Ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên (cây cối, đất, trời, rừng, biển...) của Đất Mũi, một vùng đất ở cực Nam của đất nước
- Nói và nghe: Giới thiệu được một sản vật độc đáo của địa phương và biết bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc đối với những thông tin từ lời giới thiệu của bạn.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: ngôn ngữ; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác
- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	**Hoạt động của học sinh**
1. Khởi động:	
- GV nêu yêu cầu: Từ tên gọi Đất Mũi và tranh minh hoạ, nêu cảm nhận của em về vùng đất này. - GV giao nhiệm vụ: + Làm việc nhóm. GV khích lệ HS nói được suy nghĩ, ý kiến riêng của mình. + Làm việc theo hướng dẫn của nhóm trưởng, chia sẻ suy nghĩ, nêu ý kiến riêng của mình. + Chia sẻ trước lớp cảm nhận của bản thân khi quan sát tranh minh hoạ và nghe tên gọi Đất Mũi - GV nhận xét, góp ý. - GV dẫn dắt vào bài mới. Vừa rồi các em đã có cảm nhận ban đầu về Đất Mũi. Tuy nhiên, mảnh đất cực Nam của đất nước chúng ta còn rất nhiều điều thú vị. Bài thơ Về thăm Đất Mũi sẽ giúp các em khám phá thêm những điều thú vị đó.	- HS quan sát, lắng nghe + HS làm việc theo hướng dẫn của nhóm trưởng. + HS (2 – 3 em) chia sẻ trước lớp cảm nhận của bản thân khi quan sát tranh minh hoạ và nghe tên gọi Đất Mũi. Ví dụ: Mũi Cà Mau là mảnh đất nhô ra ở điểm tận cùng phía Nam của Tổ quốc Việt Nam, thuộc địa phận xóm Mũi, xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau; Mũi Cà Mau có rất nhiều cây mắm và cây đước; Mũi Cà Mau vừa có rừng vừa có biển...
2. Khám phá.	
2.1. Luyện đọc đúng. - GV đọc mẫu lần 1: GV đọc diễn cảm bài thơ, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu sức gợi tả, gợi cảm.	- HS nghe đọc, nhìn vào sách và đọc theo để có cảm nhận về những thông tin, chi tiết thấy thú vị nhất hoặc gây ấn tượng đối với bản thân.

- GV HD đọc: Đọc diễn cảm cả bài thớ, nhấn giọng ở những từ ngữ giàu cảm xúc, gợi tả, gợi cảm - Gọi 1 HS đọc toàn bài. - GV chia đoạn: bài thơ có 6 khổ thơ - GV hướng dẫn luyện đọc từ khó: *sình, dòng sữa, vươn xa,..* - GV hướng dẫn luyện đọc các câu thơ dài: *Về đây/ nghe đất thở;* *Về đây/ trông đước chạy;* *Rễ mắm/ thì ăn lên;* *Rễ đước/ thì cắm xuống;……* - GV HD đọc đúng ngữ điệu: Đọc chậm rãi, tình cảm; nhấn giọng ở những hình ảnh thơ thể hiện vẻ đẹp của đất Mũi - GV mời 6 HS đọc nối tiếp khổ thơ. - GV nhận xét tuyên dương.	- HS lắng nghe giáo viên hướng dẫn cách đọc. - 2 HS đọc toàn bài mỗi học sinh đọc 3 khổ thơ - HS đọc từ khó. - 2-3 HS đọc câu. - HS lắng nghe cách đọc đúng ngữ điệu. - HS quan sát và đánh dấu các khổ thơ. - 6 HS đọc nối tiếp theo khổ thơ - Lắng nghe
2.2. Luyện đọc diễn cảm. - GV đọc mẫu diễn cảm toàn bài, giọng đọc phù hợp với ngữ điệu bài đọc . - GV Hướng dẫn cách đọc diễn cảm: + Đọc diễn cảm một số câu + Hướng dẫn HS đọc nhấn giọng những hình ảnh thơ thể hiện vẻ đẹp của Đất Mũi: *Về đây nghe đất thở,* *Phập phồng trước bình minh,* *Về đây trông đước chạy,* *Những bước chân ngập sình,* *Gặp ngọn gió châu thổ,* *Đang mở hội trên đồng,* *Ca bài ca mở cõi,* *Của bao đời cha ông;...* - GV yêu cầu HS luyện đọc diễn cảm theo nhóm đôi một số câu - GV theo dõi nhận xét, tuyên dương (sửa sai).	- HS lắng nghe GV đọc mẫu diễn cảm. - HS nghe GV hướng dẫn cách đọc. + Đọc thầm + Đọc nhấn giọng những hình ảnh thơ thể hiện vẻ đẹp của Đất Mũi: *Về đây nghe đất thở,* *Phập phồng trước bình minh,* *Về đây trông đước chạy,* *Những bước chân ngập sình,* *Gặp ngọn gió châu thổ,* *Đang mở hội trên đồng,* *Ca bài ca mở cõi,* *Của bao đời cha ông;...* - HS luyện đọc nhóm đôi:
2.3. Luyện đọc toàn bài. - GV gọi 6 HS đọc nối tiếp theo khổ thơ. - GV nhận xét, tuyên dương (sửa sai) - GV mời HS luyện đọc theo cặp. - GV nhận xét, tuyên dương (sửa sai) - GV nhận xét chung.	- 6 HS đọc nối tiếp theo khổ thơ. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. - HS đọc theo cặp, mỗi bạn đọc 1 đoạn cho đến hết bài. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.
TIẾT 2	
3. Tìm hiểu bài.	

3.1. Giải nghĩa từ. - GV yêu cầu HS đọc thầm bài 1 lượt, tìm trong bài những từ ngữ nào khó hiểu thì đưa ra để GV hỗ trợ. - Ngoài ra GV đưa ra một số từ ngữ giải nghĩa từ cho HS, kết hợp hình ảnh mình hoạ (nếu có) + Đước: cây cao mọc ở rừng nước mặn, hoa vàng, hạt nảy mầm ngay trên cây. + Mắm: cây mọc ở vùng đầm lầy ven biển, rễ trồi lên khỏi mặt bùn; thường được trồng để bảo vệ đê ngăn nước mặn. + Năm Căn: một huyện thuộc tỉnh Cà Mau.	- HS đọc thầm cá nhân, tìm các từ ngữ khó hiểu để cùng với GV giải nghĩa từ. - HS nghe giải nghĩa từ
3.2. Tìm hiểu bài. - GV gọi HS đọc và trả lời lần lượt các câu hỏi trong sgk. Đồng thời vận dụng linh hoạt các hoạt động nhóm bàn, hoạt động chung cả lớp, hòa động cá nhân,… - GV hỗ trợ HS gặp khó khăn, lưu ý rèn cách trả lời đầy đủ câu. + Câu 1: Tìm những hình ảnh cho thấy vẻ đẹp độc đáo của cây cối ở Đất Mũi. + Cây cối ở Đất Mũi có điểm gì đặc biệt?” + Câu 2: Những hình ảnh thiên nhiên ở Đất Mũi (gió, biển, đất trời,...) được miêu tả như thế nào? + Câu 3: Hai dòng thơ “Nơi địa đầu Tổ quốc/ Rạng ngời ánh bình minh” gợi cho em suy nghĩ gì về Đất Mũi? + Câu 4: Theo em, vì sao “lần đầu về Đất Mũi”, tác giả lại có cảm giác “như về với nhà mình”?	- HS đọc câu hỏi, suy nghĩ trả lời lần lượt các câu hỏi: - Một số HS phát biểu ý kiến trước lớp. + Tìm những hình ảnh cho thấy vẻ đẹp độc đáo của cây cối ở Đất Mũi. + Cây cối được miêu tả là những cây cối mang đặc trưng ở Đất Mũi: cây mắm, cây đước mọc thành rừng, rễ mắm thì ăn lên, rễ đước thì cắm xuống, rễ đước ngập trong sình...; cây cối được miêu tả rất sinh động mang đặc trưng của Đất Mũi sình lầy + Thiên nhiên ở Đất Mũi rất độc đáo: gió châu thổ mở hội trên đồng; biển gặp rừng; bãi bồi vươn xa; đất thở, đất và trời gần lại;... + Hai dòng thơ ca ngợi vẻ đẹp của Đất Mũi, nơi địa đầu Tổ quốc./ Hai dòng thơ nói về sự phát triển của Đất Mũi trong tương lai./ Hai dòng thơ thể hiện niềm tin của nhà thơ vào sự phát triển tốt đẹp của mảnh đất nơi địa đầu của Tổ quốc./...). + “Lần đầu về Đất Mũi”, tác giả có cảm giác “như về với nhà mình” vì tác giả thấy Đất Mũi vô cùng thân thương, gắn bó; vì tác giả rất yêu cảnh vật thiên

+ Câu 5: Dựa vào bài đọc, em hãy giới thiệu Đất Mũi Cà Mau với bạn bè .B. Tình quân dân thắm thiết, sự gắn bó bền chặt giữa hậu phương và tiền tuyến tạo nên sức mạnh của dân tộc Việt Nam.  - GV nhận xét, tuyên dương - GV mời HS tự tìm và nêu nội dung bài bài học. - GV nhận xét và chốt: ***Ca ngợi vẻ đẹp thiên nhiên (cây cối, đất, trời, rừng, biển...) của Đất Mũi, một vùng đất ở cực Nam của đất nước***	nhiên nơi đây; vì tác giả thấy bóng dáng quê hương mình ở Đất Mũi. + HS trả lời: *Vị trí:* Đất Mũi là mảnh đất nhô ra ở điểm cực Nam trên đất liền của Tổ quốc Việt Nam thuộc địa phận xóm Mũi, xã Đất Mũi, huyện Ngọc Hiển, tỉnh Cà Mau. *Vẻ đẹp tự nhiên:* + Cây cối: mắm, đước mọc thành rừng và rất đặc biệt: rễ mắm ăn lên; rễ đước cắm xuống;... + Đất đai: đất phù sa, luôn được bồi đắp, nơi đây biển gặp rừng. - 2 - 3 HS tự rút ra nội dung bài học - 3 - 4 HS nhắc lại nội dung bài học.
3.3. Luyện đọc lại. - GV yêu cầu HS làm việc theo nhóm đọc (2 em, mỗi em đọc 3 đoạn), đọc nối tiếp diễn cảm bài đọc. - GV mời HS nhận xét nhóm đọc. - GV nhận xét, tuyên dương.	- HS luyện đọc lại diễn cảm theo nhóm 2. - HS nhận xét cách đọc diễn cảm của các nhóm
4. Luyện tập theo văn bản đọc.	
Bài 1. Khổ đầu của bài thơ "Về thăm Đất Mũi" sử dụng biện pháp so sánh hay nhân hoá? Nêu tác dụng của biện pháp đó trong việc miêu tả cảnh vật. - GV mời 1 HS đọc yêu cầu của bài tập. - GV hướng dẫn cách thực hiện: + HS làm việc cá nhân, đọc thầm lại yêu cầu của bài tập, đọc thầm lại đoạn thơ; dự kiến câu trả lời. + HS làm việc nhóm. HS ghi câu trả lời vào phiếu học tập, vở hoặc giấy nháp. - Mời đại diện nhóm báo cáo kết quả - GV nhận xét và thống nhất đáp án - GV nhận xét, tuyên dương.	- 1 HS đọc yêu cầu. - HS làm việc cá nhân, thảo luận nhóm, thực hiện yêu cầu của bài tập, ghi kết quả vào phiếu học tập. - 1 – 2 nhóm báo cáo kết quả trước lớp. + Khổ đầu của bài thơ Về thăm Đất Mũi sử dụng biện pháp nhân hoá (đất thở, đước chạy). + Tác dụng của những biện pháp nhân hoá: làm cho sự vật sinh động, có hồn hơn, gây ấn tượng với người đọc - HS nhận xét, góp ý.

Bài 2. Tìm từ đồng nghĩa với các từ in đậm trong khổ thơ và đặt câu với từ tìm được Lần đầu về Đất Mũi Như về với nhà mình Nơi địa đầu **Tổ Quốc** **Rạng ngời** ánh bình minh!	
- GV yêu cầu HS đọc đề bài.	- 1 HS đọc đề bài, cả lớp đọc thầm.
- Xác định từ in đậm	- HS nêu: Tổ quốc, Rạng ngời
- GV tổ chức cho HS chơi trò chơi: GV phát thẻ từ cho các đội (mỗi đội 2 thẻ từ tương ứng với 2 từ ngữ cần tìm từ đồng nghĩa). Các thành viên trong đội sẽ lần lượt lên dán kết quả lên bảng.	- Tổ chức thành 4 đội chơi. - Các đội trình bày kết quả Từ đồng nghĩa với các từ in đậm: + Tổ quốc: đất nước, quốc gia, giang sơn,...
- GV nhận xét và thống nhất câu trả lời.	+ rạng ngời: rạng rỡ, ngời sáng,...
- Yêu cầu HS đặt câu với các từ đồng nghĩa vừa tìm được	- HS đặt câu theo suy nghĩ của bản thân Ví dụ: + Việt Nam là đất nước có nhiều địa điểm du lịch nổi tiếng. + Mỗi quốc gia đều có phong tục, tập quán khác nhau. + Cô ấy trông thật rạng rỡ.
– GV biểu dương một số HS đặt được nhiều câu hay	- HS nhận xét
5. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV mời HS nêu cảm xúc, suy nghĩ của mình sau khi đọc bài thơ.	- HS chia sẻ các ý kiến khác nhau. - VD: + Đọc bài thơ Về thăm Đất Mũi, em thấy được vẻ đẹp đặc trưng của thiên nhiên, cây cối ở miền đất cực Nam của Tổ quốc. + Em thấy được tương lai phát triển của Đất Mũi Cà Mau. + Em thấy được tình yêu của tác giả dành cho vùng đất cực Nam của Tổ quốc....
- Nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Thứ Năm ngày 19 tháng 03 năm 2026

Tiếng Việt:

VIẾT CHƯƠNG TRÌNH HOẠT ĐỘNG
(Bài viết số 2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

- Viết được chương trình hoạt động theo đúng yêu cầu.
- Chỉnh sửa được một số lỗi thuộc về hình thức và nội dung chương trình hoạt động.
- Biết vận dụng kiến , từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: ngôn ngữ; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác
- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV mời HS nhắc lại các mục trong một bản chương trình hoạt động để chuẩn bị cho bài viết số 2. - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới	- 2 HS nhắc lại + Tên chương trình 1. Mục đích 2. Thời gian và địa điểm 3. Chuẩn bị 4. Kế hoạch thực hiện: + Thời gian + Nội dung + Người phụ trách,…. - HS lắng nghe.
2. Luyện tập.	
Viết chương trình cho 1 trong 2 hoạt động dưới đây: - Quyên góp ủng hộ đồng bào vùng lũ lụt - Tham gia hội diễn văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam (20 tháng 11) **Bài 1: Chuẩn bị**	
- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1. – GV hướng dẫn HS làm việc cá nhân, tự thực hiện yêu cầu theo những gợi ý, hướng dẫn trong SGK. + Đọc và chọn một hoạt động phù hợp để viết chương trình. + Nhớ lại hoặc xem lại phần hướng dẫn trong hoạt động Viết ở Bài 13. + Dự kiến những công việc cụ thể và lập nháp bảng kế hoạch thực hiện.	- 1 HS đọc yêu cầu bài tập 1. Cả lớp lắng nghe và xác định yêu cầu. -Thực hiện yêu cầu theo gợi ý, hướng dẫn trong SGK: + Đọc và chọn một trong hai chương trình phù hợp. + Nhớ lại hoặc xem lại phần hướng dẫn trong hoạt động Viết ở Bài 13. + Dự kiến những công việc cụ thể và lập nháp bảng kế hoạch thực hiện.

	+ Hoạt động quyên góp, ủng hộ đồng bào lũ lụt có thể gồm những việc như: quyên góp sách vở, đồ dùng, quần áo; phân loại, đóng gói;… + Hoạt động tham gia hội diễn văn nghệ chào mừng ngày Nhà giáo Việt Nam (20 tháng 11) có thể gồm những việc như: phân công các bạn tập luyện những tiết mục dự kiến biểu diễn, chuẩn bị trang phục biểu diễn,...
– Lập bảng kế hoạch thực hiện và phân công nhiệm vụ. + Đọc lướt hướng dẫn về những nội dung để viết chương trình hoạt động trong SHS. - GV lưu ý HS : + Đây là bài viết số 2, chú ý phát huy những ưu điểm đã có để không mắc những lỗi như ở bài viết số 1. + Cách trình bày bảng kế hoạch thực hiện. **Bài 2: Viết chương trình hoạt động** - Mời 1 HS nêu hoạt động đã chọn để viết chương trình và yêu cầu. - Lưu ý HS cách trình bày phần Kế hoạch thực hiện (kẻ bảng cân đối). - Lập bảng biểu - GV theo dõi, hỗ trợ những HS viết chậm, nhắc các em chưa biết cách kẻ bảng, nắm bắt ưu điểm và những lỗi có thể nhiều HS mắc phải	+ Đọc lướt hướng dẫn về viết chương trình trong SGK - Xem lại những ghi chép và bảng kế hoạch thực hiện đã chuẩn bị. - Viết chương trình hoạt động theo từng mục. **Chương trình "Quyên góp ủng hộ đồng bào vùng lũ lụt"** **(1) Mục đích** – Phát huy tinh thần lá lành đùm lá rách, đoàn kết san sẻ trong lúc hoạn nạn khó khăn, giúp đỡ lẫn nhau của đồng bào Việt Nam. – Khắc phục trước mắt những hậu quả để lại của đồng bào vùng lũ lụt do thiên tai gây ra, ổn định tạm thời các nhu yếu phẩm cơ bản, cấp thiết. **(2) Thời gian và địa điểm** – Thời gian: Từ 07 giờ 40 phút đến 12 giờ 10 phút ngày 14 tháng 05 năm 2025. – Địa điểm: Phòng Hội đồng – Trường Tiểu học …….. **(3) Chuẩn bị** – Thông báo cho giáo viên, học sinh các lớp mang sách vở cũ, quần áo cũ,… rồi phân loại, đóng gói theo tập thể lớp. Bên ngoài các kiện hàng ủng hộ có đánh dấu tên lớp để thuận tiện kiểm kê, báo cáo. – Giáo viên chủ nhiệm phụ trách tập hợp đầu mối các nguồn quyên góp của lớp mình, gửi về phòng Hội đồng trường trong thời gian quy định. – Phân công giáo viên Tổng phụ trách liên hệ với UBND địa phương nơi có lũ lụt để

	thông tin việc quyên góp và gửi quyên góp địa chỉ theo đường bưu điện. – Hoàn tất báo cáo về việc quyên góp và công bố tới các lớp, toàn trường. **(4) Kế hoạch thực hiện** <table><tr><th>Thời gian</th><th>Nội dung</th><th>Người phụ trách</th></tr><tr><td>7 giờ 40 – 9 giờ</td><td>Giáo viên cho học sinh phân loại đồ dùng quyên góp đã chuẩn bị trước mang tới lớp, đóng hàng theo lớp và ghi nhãn kiện tên lớp.</td><td>GVCN</td></tr><tr><td>9 giờ – 11 giờ</td><td>Giáo viên chủ nhiệm phụ trách tập hợp đầu mối các nguồn quyên góp của lớp mình, gửi về phòng Hội đồng trường</td><td>GVCN, Tổng phụ trách, Ban giám hiệu</td></tr><tr><td>11 giờ – 12 giờ</td><td>Liên hệ với UBND địa phương nơi vùng lũ lụt, xác nhận chuyến gửi và báo cáo số lượng chuyến gửi; báo cáo các lớp và toàn trường.</td><td>GVCN Tổng phụ trách, Ban giám hiệu</td></tr></table>
Bài 3: Đọc soát và chỉnh sửa lỗi (nếu có). - Hướng dẫn HS đọc lại bản chương trình đã viết, rà soát theo yêu cầu, tự phát hiện các lỗi và dự kiến cách sửa. - Sau đó, hướng dẫn các em làm việc theo cặp, trao đổi vở để đọc và và góp ý cho nhau. - GV mời HS đọc bản chương trình - GV, HS nhận xét.	- Đọc lại bản chương trình, rà soát theo những yêu cầu sau theo cá nhân: + Có đủ các mục của chương trình. + Nội dung của từng mục được trình bày rõ ràng. + Hình thức bản chương trình đúng yêu cầu, có bảng biểu. - Trao đổi vở với bạn bên cạnh, đọc bản chương trình và góp ý cho nhau (theo yêu cầu, các lỗi khác). - 1 HS đọc - Nhận xét
3. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV hướng dẫn HS về nhà đọc cho người thân nghe bản chương trình cụ thể - GV nhận xét tiết dạy. - Dặn dò bài về nhà.	- HS lắng nghe thực hiện - HS lắng nghe.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Toán:

BÀI 56: CÁC ĐƠN VỊ ĐO THỜI GIAN

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Hs biết khái niệm đơn vị đo thời gian, mối quan hệ giữa một số đơn vị đo thời gian đã học. Củng cố kiến thức về năm nhuận, thế kỉ.
- HS vận dụng được việc chuyển đổi các số đo thời gian để giải quyết một số tình huống thực tế.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: lập luận, tư duy toán học và giao tiếp toán học; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;...
- Phẩm chất: chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Phiếu HT. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Đồ dùng học tập môn Toán.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

<table>
<tr><th>Hoạt động của giáo viên</th><th>Hoạt động của học sinh</th></tr>
<tr><td colspan="2">1. Khởi động:</td></tr>
<tr><td>- GV tổ chức trò chơi Xì điện-Thời gia 3 phút
+ Mỗi hs được nêu 1 đơn vị đo thời gian mà em biết nêu đúng sẽ được xì chỉ định bạn khác. Không nêu được hoặc nêu không đúng thua cuộc.
- GV Nhận xét, tuyên dương.
- GV dẫn dắt vào bài mới</td><td>- HS tham gia trò chơi

- HS lắng nghe.</td></tr>
<tr><td colspan="2">2. Khám phá:</td></tr>
<tr><td>- GV giới thiệu tình huống qua tranh, mời HS quan sát và nêu tình huống:


a)Các đơn vị đo thời gian
- Yc hs hoạt động nhóm đôi hoàn thành thông tin trong 2 khung màu hồng</td><td>- HS quan sát tranh và cùng nhau nêu tình huống mối quan hệ giữa các đơn vị đo thời gian.

- Hs hoạt động nhóm đôi

- Hs chia sẻ kết quả
<table>
<tr><td>1 thế kỉ = 100 năm</td><td>1 tuần lễ = 7 ngày</td></tr>
<tr><td>1 năm = 12 tháng</td><td>1 ngày = 24 giờ</td></tr>
<tr><td>1 năm = 365 ngày</td><td>1 giừo = 60 phút</td></tr>
</table></td></tr>
</table>



- Nhận xét , thống nhất kết quả.

1nămnhuận=366ngày	1 phút = 60 giây

- Nhận xét

b) Tháng – năm

- Yc hs hoạt động nhóm đôi hoàn thành thông tin trong phiếu dưới:



- Nhận xét chốt kết quả.

- Hs hoạt động nhóm
- Hs chia sẻ kết quả :

+ Cứ 4 năm lại có 1 năm nhuận

+ Tháng một, tháng ba, tháng năm tháng bảy, tháng tám, tháng mười, tháng mười hai có 31 ngày.

+ Tháng tư, tháng sáu, tháng chín. tháng mười một có 30 ngày.

+Tháng hai có 28 ngày vào năm nhuận có 29 ngày.

- Nhận xét.
- 2-3 HS nhắc lại cả 2 phần a,b

2. Hoạt động

Bài 1. Dưới đây là năm(khoảng thời gian) xảy ra các sự kiện trong lịch sử Việt Nam. Em hãy cho biết những sự kiện xảy ra vào thế kỉ nào.

- GV yêu cầu HS đọc đề bài.
- GV mời HS làm việc nhóm đôi: thực hiện yêu cầu của bài tập.

- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi..
- HS làm việc nhóm đôi.
- Các nhóm báo cáo kết quả:

+ Bà Trưng phất cờ khởi nghĩa năm 40- thuộc thế kỷ I.

+Đinh Bộ Lĩnh lên ngôi Hoàng Đế năm 968 - thuộc thế kỷ XX.

+Vua Lý Công Uẩn dời đô….- Thuộc TK XI.

+ Hội nghị Diên Hồng năm 1248 – TK XX

+ Chiến thắng Điện Biên Phủ 1954- TK XX

+ Giải phong miền Nam … thuộc TK XX.

- Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)

- Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
- Lắng nghe, (sửa sai nếu có)

Bài 2. Số?

- GV mời HS đọc yêu cầu bài.
- GV HD HS làm mẫu

$72\ phút = \frac{72}{60} 72\ phút = \frac{72}{60}$ giờ = 1,2 giờ

a) 90 phút = ? giờ b)1 giờ 15 phút = ? giờ

- Hs đọc yêu cầu bài.
- Hs làm mẫu theo hướng dẫn của GV
- 2 hs lên bảng làm

a) 90 phút = 1,5 giờ b)1 giờ 15 phút = 1,25 giờ

42 giây = ? phút 2 phút 27 giây = ? phút - GV mời HS đổi chéo vở nhận xét cho nhau. - Nhận xét, chốt kết quả.	42 giây = 0,7 phút 2 phút 27 giây = ?2,45phút - Nhận xét - Đổi chéo vở - Chia sẻ mối qua hệ giữa giờ,phút, giây hơn kém nhau 60 lần. Giải: Cả hai vòi chảy được số phần của bể nước là: $\frac{1}{2}+\frac{2}{5}=\frac{5}{10}+\frac{4}{10}=\frac{9}{10}$ (bể) Đáp số $\frac{9}{10}$ bể - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm
Bài 1 (Luyện tập) Số? - GV mời hs đọc và xác định yêu cầu bài - Yc hs hoạt động nhóm - Nhận xét chốt đáp án	- Hs đọc đề bài - Hs hoạt động nhóm - Nhóm trình bày kết quả: - Hs chia sẻ cách chuyển đổi

a) $\frac{1}{2}\frac{1}{2}$ giờ = ? phút	$\frac{2}{5}\frac{2}{5}$ phút = ? giây
b)3 phút 36 giây = ? phút	3,6 phút = ? phú ? giây?
1 giờ24 phút= ? giờ	1,4 giờ = ?giờ= ? phút

a) $\frac{1}{2}\frac{1}{2}$ giờ = 30 phút	$\frac{2}{5}\frac{2}{5}$ phút = 24 giây
b)3 phút 36 giây = 3,6 phút	3,6 phút = 3 phút 36 giây
1 giờ 24 phút= 1,4giờ	1,4 giờ = 1 giờ= 24 phút

4. Vận dụng trải nghiệm.

Bài 2(Luyện tập) **Thời gian con quai của mỗi bệnh việt nam và robot quay trên mặt đất được cho như bảng dưới:**	

Bạn	Thời gian
Việt	3 phút 20 giây
Nam	$\frac{1}{20}$ giờ
Rô-bốt	0,1 giờ

Con quay của bạn nào quay lâu nhất? - GV mời hs nêu yêu cầu + Để tìm ra con quay nào quay lâu nhất cần làm gì? - Gv mời hs thảo luận nhóm - GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.	- HS nêu yêu cầu. + Cần đổi sang cùng đơn vị đo thời gian rồi so sánh. - Hs thảo luận nhóm: Đ/a: $\frac{1}{2}\frac{1}{2}$ giờ x 60 phút = 3 phút 0,1 giờ x 60 phút = 6 phút

	Vậy con quay của Rô- bốt quay lâu nhất.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Công nghệ:

Bài 8: MÔ HÌNH MÁY PHÁT ĐIỆN GIÓ (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Mô tả được cách tạo ra công nghệ gió.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: ngôn ngữ; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác
- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV yêu cầu HS quan sát bức tranh mở đầu trong SGK (trang 35). Hoặc tranh ảnh sưu tầm được-hay video về mô hình năng lượng điện gió + GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động đóng vai theo nhóm đôi hỏi đáp về mô hình máy phát điện gió trong đời sống mà em biết. - GV mời một số nhóm trình bày  - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài mới:	- Cả lớp quan sát tranh hay theo dõi video. - HS1: Bạn có biết gió có thể tạo ra điện không?. - HS2: Gió có thể tạo ra điện bằng cách nào?. - HS trả lời: + Gió có thể tạo được ra điện, và giúp mình làm được nhiều việc khác trong đời sống nữa đó. + Chúng ta tạo máy phát điện gió.Khi gió thổi tác động tạo nên cánh quạt

Để biết các bạn tìm hiểu và trao đổi đúng không. Hôm nay, lớp chúng mình sẽ cùng nhau đến với bài học "Mô hình máy phát điện gió".	quay làm tua bin quay tạo thành năng lượng điện. - HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá:	
Hoạt động khám phá. - GV yêu cầu HS quan sát tranh trong hình 1- trang 36 và cho biết các bộ phận và vai trò của máy phát điện gió  - GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. - GV nhận xét, thống nhất đáp án, tuyên dương.	- HS quan sát tranhvà điền phiếu hay gắn thẻ các từ chọn điền vào đoạn văn phù hợp: - Đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận: 1. cánh quạt 2. chuyển động 3. điện
3. Hoạt động luyện tập.	
Hoạt động trò chơi: "Ai nhanh và đúng hơn" - GV tổ chức cho HS tham gia hoạt động nhóm theo pp khăn trải bàn(mỗi học sinh sẽ ghi theo nhận biết của mình trả lời vào ô phiếu), mỗi nhóm chuẩn bị phiếu quan sát hình trang 35 và quạt điện rồi trả lời câu hỏi sau vào phiếu: + So sánh sự khác nhau về chức năng hoạt độngcủa máy phát điện gió và quạt điện? - GV mời đại diện các nhóm trình bày, các nhóm nhận xét lẫn nhau. - GV nhận xét, tuyên dương và kết luận: ***Các con rất giỏi đã trả lời rất đúng : Không giống như quạt điện cần có điện làm cho cánh quạt quay để tạo***	- HS lắng nghe nhiệm vụ để chuẩn bị thực hiện. - Các nhóm thảo luận và tiến hành thực hiện theo yêu cầu mỗi học sinh trong nhóm ghi ý kiến trả lời của mình vào phiếu, - Đại diện các nhóm trình bày kết quả và nhận xét lẫn nhau. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

ra gió, thì máy phát điện gió được dùng để biến đổi năng lượng gió thành năng lượng điện.	
4. Vận dụng trải nghiệm.	
- GV cho học sinh quan sát hình 2 trang 37 đọc mục vận dụng sáng tạo SGK GVmời HS chia sẻ về một số ứng dụng vận dụng gió đem lại lợi ích cho cuộc sống từ xưa đến nay mà em biết. - Liên hệ thử tưởng tượng mô hình tạo máy phát điện gió từ vật liệu như giấy, que kem… */Tìm hiểu học hỏi về vận dụng sử dụng nhiều từ nguồn năng lượng gió để bảo vệ môi trường - GV nhận xét tuyên dương. - Nhận xét sau tiết dạy. - Dặn dò về nhà chuẩn bị tiết 2 Các bộ phận, các chi tiết lắp ghép tạo mô hình máy phát điện gió.	- Học sinh tham gia chia sẻ về một số vận dụng gió vào đời sống của gia đình em ở nhà, hoặc em biết, giải thích lợi ích của việc làm đó trước lớp. + Vận dụng sức gió để chạy thuyền buồm, rê lúa, phơi khô đồ vật,thả diều , chạy chong chóng.... làm đỡ tốn sức người, tiết kiện được tiền của lại bảo vệ không làm ô nhiễm môi trường - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Lịch sử & Địa lí:

Bài 20: VƯƠNG QUỐC CAM-PU-CHIA (T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Mô tả được một trong những đặc điểm dân cư, một số công trình tiêu biểu của Cam-pu-chia.

- Rèn luyện kỹ năng quan sát lược đồ, tranh ảnh qua đó góp phần phát triển năng lực khoa học.

- Hình thành năng lực vận dụng kiến thức kĩ năng đã học, hình thành năng lực nhận thức khoa học Địa lí.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: ngôn ngữ; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác

- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV yêu cầu xác định vị trí của Cam-pu-chia trên lược đồ. - Nêu tên các quốc gia tiếp giáp với Cam-pu-chia. - GV nhận xét, tuyên dương và dẫn dắt vào bài học.	- Học sinh thực hiện cá nhân. - Học sinh nêu. - Học sinh lắng nghe.
2. Khám phá:	
Hoạt động 1: Tìm hiểu về đặc điểm tự nhiên và dân cư của Cam-pu-chia: ***Tìm hiểu về đặc điểm dân cư của Cam-pu-chia:** - GV yêu cầu HS khai thác thông tin mục 2 và thực hiện nhiệm vụ: *Em hãy nêu một số đặc điểm dân cư của Cam-pu-chia.* - GV tổ chức cho HS làm việc cá nhân để thực hiện nhiệm vụ ở trên. - GV gọi HS nhanh tay, mỗi HS sẽ đưa ra 1 đặc điểm dân cư không được trùng nhau. - GV gọi HS nhận xét, bổ sung - GV nhận xét, kết luận. **Hoạt động 2. Tìm hiểu về một số công trình tiêu biểu của Cam-pu-chia** - GV yêu cầu HS đọc thông tin và quan sát các hình từ 3 đến 5.	- HS lắng nghe. - HS lắng nghe. - Các HS nối tiếp nhau nêu kết quả. *+ Cam-pu-chia có dân số khoảng 16,5 triệu người (năm 2021).* *+ Dân tộc chủ yếu ở Cam-pu-chia là người Khơ-me.* *+ Phần lớn dân cư sống ở nông thôn.* - HS nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe. - HS đọc thông tin và quan sát hình.

 ▲ **Hình 3.** Đền Ăng-co Vát  ▲ **Hình 4.** Mặt chính đền Bay-on  ▲ **Hình 5.** Tượng đài hữu nghị Việt Nam – Cam-pu-chia tại Phnôm Pênh - GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm để thực hiện yêu cầu: *Kể tên một số công trình của Cam-pu-chia. Mô tả một số công trình em ấn tượng.* - GV gọi đại diện 2-3 nhóm lên trình bày. - GV gọi các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét, kết luận.	- HS tiến hành thảo luận nhóm. - Đại diện các nhóm trình bày. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - HS lắng nghe.
3. Luyện tập	
Hoạt động 3: Giới thiệu một số công trình kiến trúc tiêu biểu của Cam-pu-chia -GV hướng dẫn học sinh có thể chọn một công trình kiến trúc tiêu biểu của Cam-pu-chia để thực hiện. -Tổ chức học sinh thực hiện cá nhân. - Tổ chức học sinh trình bày, nhận xét, góp ý (Theo một số tiêu chí) + Tên công trình. + Địa điểm. + Đặc điểm nổi bật của công trình.	- Lắng nghe giáo viên hướng dẫn. - Thực hiện theo cá nhân. - HS trình bày. Ví dụ:

- GV nhận xét, tuyên dương học sinh.	 - Lắng nghe, rút kinh nghiệm. Ghi nhớ kiến thức.

Tên công trình	Thời gian	Nét đặc sắc
Ăng-co Vát	Đầu thế kỉ XII	– Khu đền chính gồm ba tầng với những ngọn tháp lớn, kết nối với nhau bởi những dãy hành lang dài, xung quanh là hào nước. – Trung tâm ngôi đền là tổ hợp năm ngọn tháp, tháp ở giữa cao tới 65 m và bốn tháp ở bốn góc. Toàn bộ công trình được xây bằng đá. Những khối đá được đẽo gọt vuông vức và xếp chồng khít lên nhau mà không cần bất cứ chất kết dính nào. Ăng-co Vát trở thành biểu tượng của đất nước Cam-pu-chia.
Ăng-co Thom	Từ thế kỉ XII	Là kinh đô cuối cùng của đế quốc Khơ-me (Khmer), thuộc thành phố Xiêm Riệp ngày nay. Khu thành có hình vuông với diện tích gần 9 km^2, được bao quanh bởi bốn bức tường đá ong cao tới 9 m và năm cửa ra vào. Dọc hai bên đường dẫn vào thành là các tượng thần bằng đá.
Tượng đài hữu nghị Việt Nam – Cam-pu-chia	Năm 1970	Điểm nổi bật nhất của tượng đài là khối đá tạc hình hai người chiến sĩ Cam-pu-chia và Việt Nam đứng bảo vệ một người phụ nữ bế con nhỏ trên tay. Phần chóp của tượng đài được mạ đồng màu vàng nổi bật giữa bầu trời.

4. Vận dụng trải nghiệm.

- GV yêu cầu học sinh: + Chia sẻ những điều em đã học được với người thân. + Về nhà*Sưu tầm tranh, ảnh, tư liệu viết về một số công trình tiêu biểu khác của Cam-pu-chia và chia sẻ với bạn.* - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.	- Học sinh lắng nghe. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

BUỔI CHIỀU:

Giáo dục thể chất:

DẪN BÓNG THAY ĐỔI TỐC ĐỘ, DẪN BÓNG THEO ĐƯỜNG VÒNG (T.2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Thực hiện được động tác dẫn bóng thay đổi tốc độ, dẫn bóng theo đường vòng trong môn Bóng rổ.
- Bước đầu vận dụng được động tác dẫn bóng thay đổi tốc độ, dẫn bóng theo đường vòng vào trong các hoạt động tập thể, tổ chức chơi được một số trò chơi vận động phù hợp với yêu cầu.
- Biết sửa sai động tác thông qua nghe, quan sát và tập luyện.
- Hoàn thành lượng vận động của bài tập.
- Có trách nhiệm với tập thể và ý thức giúp đỡ bạn trong tập luyện, tự giác, dũng cảm, thường xuyên tập luyện TDTT.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: Tự chủ và tự học; giao tiếp và hợp tác; chăm sóc SK; thể dục thể thao

- Phẩm chất: Đoàn kết, nghiêm túc, tích cực trong tập luyện và hoạt động tập thể. Tích cực tham gia các trò chơi vận động, có trách nhiệm trong khi chơi trò chơi và hình thành thói quen tập luyện TDTT.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU:

+ Đối với giáo viên: Kẻ vẽ sân tập theo nội dung của bài học. Còi, cờ, tranh ảnh, băng đĩa hình, dụng cụ luyện tập.

+ Đối với học sinh chuẩn bị: Giày thể thao, trang phục thể thao, đảm bảo vệ sinh và an toàn trong tập luyện.

III. PHƯƠNG PHÁP VÀ HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY HỌC

- Phương pháp dạy học chính: sử dụng lời nói, trực quan (tranh, ảnh, làm mẫu), tập luyện, trò chơi và thi đấu.
- Hình thức dạy học chính: Tập luyện đồng loạt (tập thể), tập theo nhóm, tập luyện theo cặp đôi.

IV. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Nội dung	Định lượng	Phương pháp, tổ chức và yêu cầu	
		Hoạt động GV	Hoạt động HS
I. Hoạt động mở đầu	5-7’		
1. Nhận lớp: - Kiểm tra vệ sinh sân tập, trang phục tập luyện, sức khỏe của HS - Phổ biến nội dung, yêu cầu tiết học		Gv nhận lớp, thăm hỏi sức khỏe học sinh phổ biến nội dung, yêu cầu giờ học	Đội hình nhận lớp 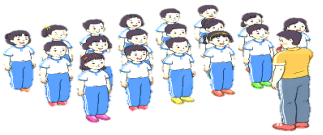 - Cán sự tập trung lớp, điểm số, báo cáo sĩ số, tình hình lớp cho GV. - Hs lắng nghe, nắm nội dung bài học

2. Khởi động: - Xoay các khớp cổ tay, cổ chân, vai, hông, gối,... (theo nhạc) -Tập bài TDPTC với gậy (Theo nhạc)	2Lx8N 2Lx8N	- GV quan sát, nhắc học sinh tập đúng biên độ, nhịp hô.	Đội hình khởi động 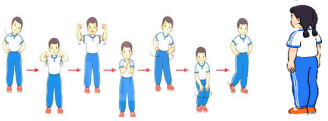 - HS khởi động theo sự điều khiển của cán sự.
3. Trò chơi bổ trợ khởi động: - Trò chơi "Làm theo chỉ huy" - Kiểm tra bài cũ	2-3 lần	- GV nêu tên trò chơi, cách chơi, luật chơi, sau đó GV tổ chức cho cả lớp chơi. - Gọi 1-2 em học sinh lên thực hiện - GV cùng HS quan sát và nhận xét, đánh giá.	Đội hình trò chơi 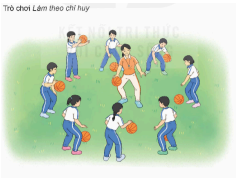 - HS chú ý nắm luật chơi, tích cực, chủ động tham gia trò chơi - Học sinh thực hiện theo yêu cầu của giáo viên
II. Hoạt động hình thành kiến thức mới:	5-7'		
1. Khám phá **2. Hình thành động tác mới:** * Ôn dẫn bóng thay đổi tốc độ 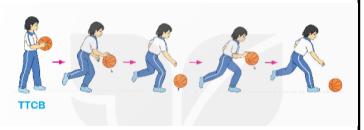 -TTCB: Đứng chân trước chân sau, hai tay cầm bóng trước bụng. -Động tác: Đưa bóng về một tay, dẫn bóng lên trước thay đổi tốc độ. Khi dẫn bóng chậm, điểm tiếp xúc của tay ở trên bóng và điểm bóng chạm sân gần người dẫn bóng; khi dẫn bóng nhanh, điểm tiếp xúc của tay ở nửa sau bóng, điểm		- GV nêu những lỗi sai thường mắc và cách khắc phục cho HS khi thực hiện động tác.	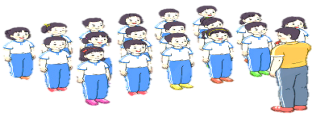 - HS lắng nghe

bóng chạm sân xa người dẫn bóng.			
3. Trải nghiệm các động tác của bài tập		- GV gọi 3-5 HS thực hiện bài tập 1-2 lần - GV điều khiển cho HS tập	 - HS chú ý, tích cực tập luyện để nắm kĩ thuật động tác
III. Hoạt động luyện tập:	15-16’		
1. Tập theo tổ nhóm	3-4 lần	- GV giao nhiệm vụ cho tổ trưởng, phân luyện tập theo khu vực. - Quan sát, nhắc nhở và sửa sai cho HS	ĐH tập luyện theo tổ 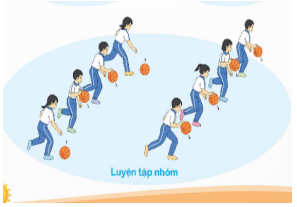 - Hs thực hiện theo điều khiển của tổ trưởng. HS quan sát và nhận xét lẫn nhau, giúp đỡ bạn tập chưa tốt.
2. Tập theo cặp đôi	2-3 lần	- GV cho 2 HS thành từng cặp để tập luyện.	 + Yêu cầu:1 HS tập, 1 HS hô và quan sát, nhận xét bạn tập… Sau đó 2 HS đổi vị trí cho nhau.
3. Thi đua giữa các tổ		- GV tổ chức cho HS thi đua giữa các tổ. - GV nhận xét đánh giá tuyên dương.	- Từng tổ lên thi đua - trình diễn - Hs nhận xét tổ bạn.
4. Trò chơi vận động: * Trò chơi: “Dẫn bóng theo hình số 8 tiếp sức”	1-2 lần	- GV nêu tên trò chơi, hướng dẫn cách chơi, luật chơi. - Tổ chức cho HS chơi thử sau đó chơi chính thức, có thi đua.	ĐH chơi trò chơi 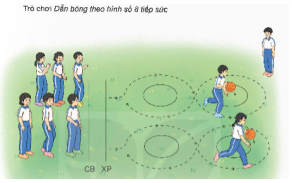 - Hs chơi theo hướng dẫn của Gv

		Chú ý: GV nhắc HS đảm bảo an toàn trong khi chơi.	-HS tích cực tham gia chơi trò chơi vận động.
IV. Hoạt động vận dụng	4-5’		
1. Hồi tĩnh: - Thả lỏng cơ toàn thân (Theo nhạc). ***2. Vận dụng:***		- GV điều hành lớp thả lỏng cơ toàn thân - GV nêu câu hỏi vận dụng kiến thức vào thực tế cuộc sống	Đội hình hồi tĩnh 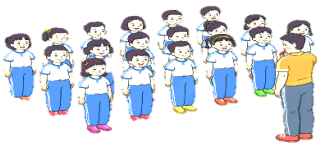 - Học sinh thực hiện theo yêu cầu của giáo viên - HS trả lời câu hỏi vận dụng vào thực tế đời sống Vận dụng: Qua bài học, HS vận dụng bài tập thể dục vào buổi sáng, để rèn luyện sức khỏe, và chơi trò chơi cùng các bạn trong giờ ra chơi.
3. Nhận xét và hướng dẫn tự tập luyện ở nhà: - Ưu điểm; Hạn chế cần khắc phục - Hướng dẫn tập luyện ở nhà		- GV nhận xét kết quả, ý thức, thái độ học của HS, đồng thời đưa ra hướng khắc phục hoặc trả lời câu hỏi của HS. - HD học sinh tập ở nhà.	- HS lắng nghe để khắc phục Đội hình kết thúc 
4. Xuống lớp			- HS đi theo hàng về lớp

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Khoa học:

Bài 25: CHĂM SÓC SỨC KHOẺ TUỔI DẬY THÌ(T2)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

+ Nêu và thực hiện được những việc cần làm để chăm sóc và bảo vệ sức khoẻ về thể chất và tinh thần ở tuổi dậy thì.

+ Giải thích được sự cần thiết phải giữ vệ sinh cơ thể, đặc biệt là ở tuổi dậy thì.

+ Có ý thức và kĩ năng thực hiện vệ sinh cơ thể. Đặc biệt là vệ sinh quanh cơ quan sinh dục ngoài.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: ngôn ngữ; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác
- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Tranh, ảnh liên quan đến chủ đề bài học.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- Giáo viên tổ chức cho cả lớp chơi trò chơi "Ô chữ may mắn" - Cách chơi theo đội: đội đầu tiên sẽ chọn một ô số giáo viên lệch câu hỏi chữa trong ô số, học sinh trả lời đúng hình ảnh sẽ hiện ra, trả lời sai sẽ mất lượt và câu trả lời thuộc về khán giả. - GV khuyến khích nhiều HS chơi. - GV nhận xét và dẫn dắt vào bài: các em đã thực hiện nhiều việc làm để giữ vệ sinh cơ thể vậy vì sao cần thực hiện những việc làm đó chúng ta tìm hiểu tiết 2 của bài	- Cả lớp lắng nghe. - Học sinh chơi theo đội chọn vô số trả lời câu hỏi bằng cách nêu việc cần làm phù hợp với bạn trong hình cả lớp đánh giá có thể đưa ra đáp án hỏi đồ chơi trả lời sai - HS lắng nghe.
2. Hoạt động khám phá:	
Hoạt động khám phá 1:Sự cần thiết phải giữ vệ sinh cơ thể ở tuổi dậy thì. -Tổ chức theo nhóm, yêu cầu học sinh quan sát hình và thực hiện theo yêu cầu của Sách giáo khoa. -Quan sát từ hình 9 đến hình 11 và cho biết các bạn trong hình đang gặp vấn đề gì các bạn cần làm gì ý nghĩa của việc làm đó?	- HS đọc thông tin và thảo luận theo nhóm: -Hình 9: vấn đề ngứa da do không tắm. + Việc cần làm tắm rửa thường xuyên bằng nước ấm, nơi kín gió. +Ý nghĩa da (cơ thể) sạch sẽ da thông thoáng không bị ngứa.





- GV mời đại diện các nhóm báo cáo kết quả thảo luận. Chia sẻ trước lớp.
- GV nhận xét, tuyên dương.

GV nhận xét và khen học sinh

Hoạt động khám phá 2:Nêu được tác hại của việc không thường xuyên giữ vệ sinh cơ thể:

- GV yêu cầu học sinh dựa vào vốn hiểu biết để trả lời câu hỏi:
- Gọi nhiều HS chia sẻ.
- Giáo viên nhận xét và kết luận.

-Hình 10: Da mặt dính nổi mụn đỏ, vệ sinh da mặt chưa phù hợp.

+ Việc cần làm rữa mặt với nước sạch sẽ thường xuyên, ít nhất 2 lần/ngày.

+ Ý nghĩa sạch chất nhờn trên da không gây tắc lỗ chân lông.

-Hình 11: vấn đề ngứa xuất hiện mùi khác lạ do bị viêm cơ quan sinh dục.

+ Việc cần làm tắm rửa bằng nguồn nước sạch, vệ sinh cơ quan sinh dục, thay quần áo lót hàng ngày, cơ quan sinh dụcluôn khô thoáng, phòng tránh viêm nhiễm, hạn chế vi khuẩn.

- HS lắng nghe.

- Nếu không thường xuyên giữ vệ sinh cơ thể sẽ có những tác hại rất lớn đối với cơ thể. Đó là: Làm cho cơ thể khó chịu gây cho chúng ta cảm giác mệt mỏi, có mùi khó chịu, dễ mắc các bệnh viêm nhiễm, lâu ngày sẽ mắc các bệnh mãn tính.

3. Hoạt động luyện tập.

- GV yêu cầu làm việc cá nhân:Quan sát hình 12, 13 và cho biết các bạn làm chưa đúng điều gì, cách làm nào giữ đúng vệ sinh cơ thể?



-HS lắng nghe và hoàn thành

Hình 12:

+ Việc làm chưa đúng: sau khi tắm xong mặc quần áo mà vẫn còn xà phòng trên người.

+ Cách làm đúng: xả kỹ cho sạch xà phòng trên người, lau người khô trước khi mặc quần áo.

Hình 13:

 - GV lắng nghe ý kiến chia sẻ của HS. - GV nhận xét và kết luận.	+ Việc làm chưa đúng: có ý định mặc quần áo lót còn ẩm + + Cách làm đúng: không dùng quần áo khi còn ẩm, đặc biệt là đồ lót. Cần hông (sấy) khô quần áo trước khi mặc. Mang quần áo ra ngoài chỗ có ánh sáng phơi để diệt khuẩn và nhanh khô.
4. Vận dụng trải nghiệm.	
- Đọc thông tin và nêu cách giữ vệ sinh của nam và nữ. - HS nêu cá nhân. 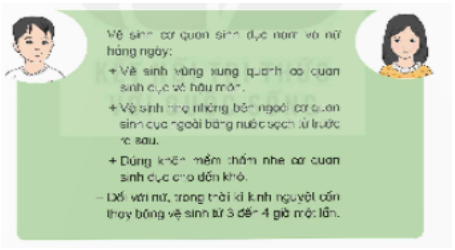 - GV và lớp nhận xét. Rút ra bài học cho bản thân. GV tuyên dương những cá nhân nêu đầy đủ. - Dặn dò về nhà.	- HS lắng nghe. HS nêu cụ thể.

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Luyện Toán:

LUYỆN TẬP VỀ TÍNH THỂ TÍCH CÁC HÌNH

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Củng cố giải toán liên quan đến tính thể tích khối hình hộp, giải toán liên quan các dạng bài đã học

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY - HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
1. HĐ khởi động:(3-5’) - GV tổ chức trò chơi Hái hoa dân chủ	

- GV Nhận xét, tuyên dương. **2. HĐLuyện tập, thực hành.** **Hoạt động 1:** GV giao BT cho HS làm bài. **Hoạt động 2:** Chữa bài: - GV gọi HS chữa lần lượt các bài: **Bài 1** **Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.** *Một hình lập phương có diện tích xung quanh là 64 cm2. Hỏi cạnh của hình lập phương đó dài bao nhiêu?* *A. 1 cm B. 2 cm C. 3 cm D. 4 cm* ? Bài yêu cầu gì? GV yêu cầu HS nêu trước lớp - Để làm được bài này em thực hiện như thế nào? - GV Nhận xét, tuyên dương. ***Củng cố: cách tính cạnh hình lập phương khi biết diện tích xung quanh*** **Bài 2.** *Một khối sắt dạng hình lập phương có cạnh 1 dm. Biết 1 cm3 sắt nặng 7,874 g. Hỏi khối sắt đó nặng bao nhiêu gam?* ? Bài yêu cầu gì?Làmvào vở theo mẫu GV yêu cầu HS nêu trước lớp - Gọi HS chia sẻ kết quả, HS nhận xét lẫn nhau. - Để làm được bài này em thực hiện như thế nào? - GV Nhận xét, tuyên dương. ***Củng cố tính thể tích và chuyển đổi mối liên quan giữa đơn vị thể tích với đơn vị đo khối lượng*** **Bài 3. Khoanh vào chữ đặt trước câu trả lời đúng.** *Người ta muốn làm một chiếc hộp dạng hình hộp chữ nhật bằng bìa cứng.*	- HS tham gia trò chơi (Trả lời kết quả các PT được ghi trong phiếu gắn vào mỗi bông hoa) - HS lắng nghe. - Hs làm bài cá nhân - Hs trả lời - HS đọc trước lớp. Học sinh làm vở, phiếu nhóm, nối tiếp nêu kết quả và giải thích cách làm trước lớp,đổi vở soát, nhận xét. - HS đọc nêu yêu cầu đề, quan sát hình giải thích nêu các bước tính, - HS làm vở, đổi vở nhận xét cho nhau..

Biết hộp đựng được một chiếc đĩa sứ hình tròn có đường kính 2 dm và cao 4 cm. Hỏi cần lựa chọn chiếc hộp có kích thước nào dưới đây là phù hợp nhốt? *A. Chiều dài 3 dm, chiều rộng 2 dm, chiều cao 3,9 cm.* *B. Chiều dài 1,9 dm, chiều rộng 1,9 dm, chiều cao 4,5 cm.* *C. Chiều dài 2,05 dm, chiều rộng 2,05 dm, chiều cao 4,5 cm.* ? Bài yêu cầu gì? GV yêu cầu HS nêu trước lớp - Gọi HS chia sẻ kết quả, HS nhận xét lẫn nhau. - Để làm được bài này em thực hiện như thế nào? - GV Nhận xét, tuyên dương. ***Củng cố cách tính thể tích hình hộp chữ nhật*** **Bài 4.** *Viết số thích hợp vào chỗ chấm.* *Ba khối gỗ dạng hình lộp phương được dính vào nhau, khi nhìn từ phía trước được hình A dưới đây.* 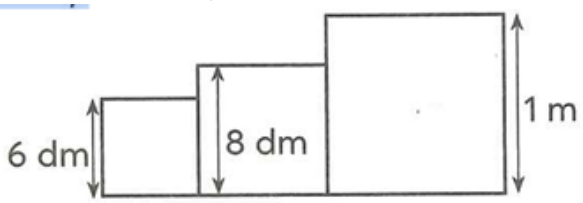 Hình A Hình A được sơn màu tốt cả các mạt. Diện tích phần được sơn màu là ..... dm2. Nhận xét, đánh giá bài HS. *Củng cố tính diện tích hình hộp chữ nhật* - GV cho HS trả lời và khen HS đã tìm ra câu trả lời nhanh – đúng. **3,Vận dụng trải nghiệm** - Nêu các bước giải toán tính thể tích hình lập phương -GV nhận xét giờ học. - GV dặn HS về xem lại bài và chuẩn bị bài sau.	- HS đọc thầm, nêu yêu cầu bài và giải thích cách tính - HS trình bày vào vở, 1 học sinh làm bảng lớp, chữa bài - HS đọc đề, quan sát tính - 1HS thực hiện bảng hay phiếu nhóm và chia sẻ trước lớp, lớp làm vở, đổi vở soát bài cho nhau

	- Thực hiện theo yêu cầu.

Thứ Sáu ngày 20 tháng 03 năm 2026

Tiếng Việt:

NÓI VÀ NGHE
SẢN VẬT ĐỊA PHƯƠNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT.

- Nói và nghe : Giới thiệu được một sản vật độc đáo của địa phương và biết bày tỏ suy nghĩ, cảm xúc đối với những thông tin từ lời giới thiệu của bạn
- Biết vận dụng kiến thức từ bài học để vận dụng vào thực tiễn.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: ngôn ngữ; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác
- Phẩm chất: yêu nước; nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

* Phát triển năng lực số:

1.1.CB2.a. Xác định được nhu cầu thông tin cần tìm của mình.
1.1.CB2.b. Tìm kiếm được dữ liệu, thông tin và nội dung số thông qua cách tìm kiếm đơn giản trong môi trường kỹ thuật số.
1.1.CB2.c. Biết cách truy cập dữ liệu, thông tin, nội dung và điều hướng giữa chúng.

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Tranh minh họa nội dung bài học trong SGK. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS chuẩn bị:

+ Thông qua thiết bị số tìm kiếm các câu chuyện, bài báo, bài thơ, tranh ảnh theo yêu cầu của bài.
+ Chọn lọc câu chuyện, tranh ảnh từ các trang web chính thống.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV chiếu cho HS xem đoạn video giới thiệu về một số món ăn theo vùng miền trên đất nước ta để khởi động bài học. + Đoạn video giới thiệu một số món ăn ở những vùng miền nào? + Em thích món ăn nào nhất? Vì sao? - GV nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới: Món ăn là một trong những sản vật của địa phương. Mỗi địa phương có những sản vật riêng mang đặc điểm, đặc trưng của địa phươn	- HS xem đoạn video. - HS trả lời câu hỏi: + Đoạn video giới thiệu một số món ăn ở 3 miền: Bắc, Trung, Nam trên đất nước ta. + HS trả lời theo ý mình. - HS lắng nghe.

2. Khám phá.

- Phát triển năng lực số:

- HS tìm hiểu và biết nói trước nhóm, trước lớp về những hình ảnh đặc điểm tiêu biểu của sản vật địa phương

Bài 1: Chuẩn bị - GV yêu cầu HS đọc lại yêu cầu trong SGK. - Bước chuẩn bị này GV đã hướng dẫn HS thực hiện khoảng 1 tuần trước khi có tiết thực hành nói và nghe. GV nhắc HS đọc kĩ các nội dung cần chuẩn bị được hướng dẫn trong SGK. Trước tiên, các em phải trả lời câu hỏi "Em muốn giới thiệu sản vật gì, ở địa phương nào?" để xác định đề tài cho bài giới thiệu.	- HS đọc yêu cầu. - HS làm việc cá nhân (làm phiếu học tập): lấy bài ghi chép đã chuẩn bị từ tuần trước
- GV giới thiệu một số hình ảnh gợi ý trong SGK và những hình ảnh khác về các sản vật của địa phương để HS tham khảo: + Món ăn của một địa phương (phở Hà Nội, bún bò Huế, mì Quảng, cơm tấm Sài Gòn, lẩu mắm U Minh,...).	- HS quan sát, lắng nghe
+ Nhạc cụ, trang phục truyền thống ở các vùng miền. + Sản phẩm của các làng nghề truyền thống. - GV lưu ý HS: Tuỳ thuộc vào thực tế của địa phương và trải nghiệm của bản thân, HS có thể sưu tầm tranh ảnh, video,... phù hợp để sử dụng khi giới thiệu.	- HS lắng nghe
- Yêu cầu HS làm bài ghi chép lại trên phiếu học tập. **PHIẾU HỌC TẬP** Ghi lại những thông tin về sản vật độc đáo của một địa phương mà em muốn giới thiệu. + Tên của sản vật:..... ..... + Sản vật đó có ở địa phương nào? ..... + Sản vật đó có đặc điểm gì độc đáo? .... + Sản vật đó được sử dụng như thế nào?	- HS làm bài cá nhân trong phiếu học tập (có thể dùng sơ đồ tư duy). VD: + Tên gọi của sản vật: Đồ gốm sứ Bát Tràng + Sản vật đó có ở địa phương nào? Làng Bát Tràng cổ, huyện Gia Lâm, Hà Nội. + Sản vật đó có đặc điểm gì độc đáo? • Được chế tác từ đất sét trắng, có độ bền với nhiệt độ và va đập cao, màu sắc tươi sáng và hoạ tiết đa dạng. • Làm sản phẩm gốm sứ Bát Tràng phải trải qua nhiều công đoạn rất tỉ mỉ, sáng tạo, tinh xảo mang bản sắc văn hoá của người Bát Tràng. + Sản vật đó được sử dụng như thế nào? Làm bát đĩa, đồ thờ, đồ trang trí,..

3. Luyện tập.

2. Trình bày – GV tổ chức cho HS thực hành giới thiệu một sản vật địa phương theo các gợi ý cụ thể trong SGK theo 2 bước: + Bước 1: HS trình bày theo cặp/ nhóm. + Bước 2: Đại diện cho nhóm giới thiệu trước lớp. - GV lưu ý HS ghi lại những thông tin thú vị khi nghe bạn giới thiệu và những ý kiến chuẩn bị cho phần trao đổi, góp ý - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai).	- HS trình bày theo cặp/ nhóm (nói theo phần ghi chép đã chuẩn bị ở trên) - Một số HS trình bày trước lớp. VD: Làng gốm Bát Tràng nằm ở tả ngạn sông Hồng thuộc huyện Gia Lâm, Hà Nội. Đây là làng nghề truyền thống nổi tiếng về các sản phẩm gốm sứ. Đồ gốm sứ Bát Tràng được chế tác từ đất sét trắng, có độ bền cao, màu sắc tươi sáng và hoạ tiết đa dạng nên rất được khách hàng trong và ngoài nước yêu thích. Làm sản phẩm gốm sứ Bát Tràng phải trải qua nhiều công đoạn rất tỉ mỉ. Mỗi sản phẩm đều có sự sáng tạo riêng của nghệ nhân rất tinh xảo mang bản sắc văn hoá của người Bát Tràng. Đồ gốm sứ Bát Tràng được sử dụng rộng rãi trong và ngoài nước rất phong phú như: bát đĩa, đồ thờ, đồ trang trí,... Làng gốm Bát Tràng là điểm dừng chân của nhiều khách du lịch đến tham quan thủ đô và muốn chọn cho mình những đồ lưu niệm độc đáo và sinh động nhất.
3. Trao đổi, góp ý - GV hướng dẫn HS trao đổi theo nhóm về bài nói của theo các gợi ý SGK. - GV tổ chức cho HS hỏi – đáp để có thêm thông tin về sản vật ở địa phương được giới thiệu. - GV, HS nhận xét và phản hồi nhận xét về nội dung và cách trình bày bài giới thiệu. - GV chú ý cách mà HS hỏi – đáp, thảo luận (nhất là cách người nói trả lời câu hỏi và phản hồi nhận xét của người nghe về bài giới thiệu) để có những hỗ trợ phù hợp, giúp HS phát triển kĩ năng tương tác và thái độ tôn trọng người đối thoại. - GV tổng kết, khen ngợi những HS có bài giới thiệu tốt và tích cực tham gia trao đổi - Hướng dẫn HS ghi phiếu học tập.	- HS trao đổi, góp ý cho nhau. - HS hỏi – đáp thêm về sản vật ở địa phương được giới thiệu. - HS nhận xét và phản hồi nhận xét về nội dung và cách trình bày bài giới thiệu. - HS ghi phiếu học tập để sửa chữa, rút kinh nghiệm theo bài làm của mình. - HS ghi vào phiếu học tập
4. Vận dụng trải nghiệm.	

- GV tổ chức vận dụng bằng cuộc thi "**Ai là người hóm hỉnh.**" + GV tổ chức cho lớp thành các nhóm, mỗi nhóm thảo luận và chọn một bạn đại diện lên trước lớp giới thiệu về một món ăn ở địa phương, thời gian không quá 1 phút. + Mời các nhóm trình bày. + GV nhận xét chung, trao thưởng. - GV nhận xét tiết dạy - GV dặn HS về nhà: Sưu tầm tranh ảnh, bài viết về đồ dùng hoặc đồ thủ công mĩ nghệ của một dân tộc thiểu số trên đất nước Việt Nam.	- HS tham gia để vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn. - Các nhóm tham vận dụng. - Cả lớp làm trọng tài: Nhận xét bạn nào giới thiệu hay, hóm hỉnh sẽ được trao giải nhất, nhì, ba,... - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. - HS lắng nghe thực hiện

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Toán:

BÀI 57 : CỘNG , TRỪ SỐ ĐO THỜI GIAN (T1)

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- HS thực hiện được phép cộng số đo thời gian.
- HS vận dụng được việc cộng số đo thời gian để giải quyết một số vấn đề thực tế.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: lập luận, tư duy toán học và giao tiếp toán học; tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác;
- Phẩm chất: chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC:

- GV: Phiếu HT. Các thiết bị phục vụ cho tiết dạy.
- HS: Đồ dùng học tập môn Toán.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV tổ chức trò chơi để khởi động bài học. + Câu 1: Điền số : 1 giờ = ... phút + Câu 2: 1 phút = ... giây + Câu 3: 12 tháng = ... năm +Câu 4: 1 năm = ... ngày +Câu 5: 10 giờ + 15 giờ= ..... giờ - GV Nhận xét, tuyên dương. - GV dẫn dắt vào bài mới	- HS tham gia trò chơi + Trả lời: 1 giờ = 60 phút + Trả lời: 1 phút = 60 giây + Trả lời: 12 tháng = 1 năm + Trả lời: 1 năm = 365 ngày + Trả lời: 10 giờ + 15 giờ= 25 giờ - HS lắng nghe.
2. Khám phá:	

- GV giới thiệu tình huống qua tranh, mời HS quan sát và nêu tình huống: 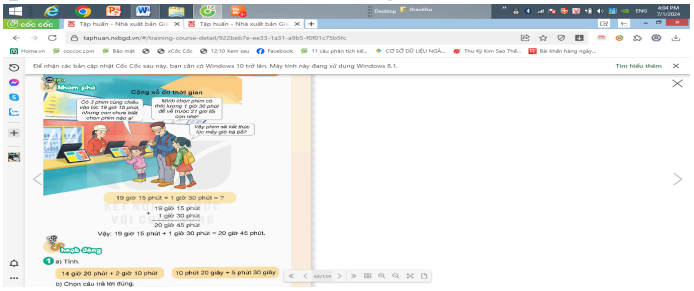 + Một bộ phim bắt đầu khởi chiếu lúc mấy giờ? + Thời lượng của bộ phim là mấy giờ? + Vậy muốn biết bộ phim kết thúc lúc mấy giờ? - GV chốt: Muốn biết bộ phim kết thúc lúc mấy giờ ta lấy 19 giờ 15 phút + 1 giờ 30 phút ? Em có nhận xét gì về phép cộng? ? 19 giờ 15 phút + 1 giờ 30 phút = ? -GV nhận xét - GV hướng dẫn HS cách đặt tính 19 giờ 15phút + 1 giờ 30phút -GV gọi HS nêu cách tính 19 giờ 15phút + 1 giờ 20phút 20 giờ 35phút ? Muốn cộng số đo thời gian em làm thế nào? -GV nhận xét kết luận :	- HS quan sát tranh và cùng nhau nêu tình huống: + Một bộ phim bắt đầu khởi chiếu lúc 19 giờ 15 phút + Thời lượng của bộ phim là 1 giờ 30 phút + 19 giờ 15 phút + 1 giờ 30 phút -HS lắng nghe - Phép cộng có số đo thời gian 19 giờ 15 phút + 1 giờ 30 phút = 20 giờ 45 phút -HS nhận xét -HS chú ý -HS nêu -HS nêu: + Đặt số đo các đơn vị đo thời gian giống nhau thẳng cột với nhau + Sau mỗi kết quả tính được ta ghi đơn vị đo thời gian tương ứng. -HS lắng nghe

+ Đặt số đo các đơn vị đo thời gian giống nhau thẳng cột với nhau + Sau mỗi kết quả tính được ta ghi đơn vị đo thời gian tương ứng.	

2. Hoạt động

Bài 1. Tính. a, 14 giờ 20 phút + 2 giờ 10 phút 10 phút 20 giây + 5 phút 30 giây - GV yêu cầu HS đọc đề bài. - GV mời HS làm vào vở ý a. -GV nhận xét, tuyên dương b. Chọn câu trả lời đúng Một chiếc đồng hồ chạy chậm 25 phút so với thời gian đúng. Hỏi thời điểm đồng hồ đó chỉ 14giờ 30 phút thì thời gian đúng là mấy giờ ? A 14 giờ 5 phút B 14 giờ 30 phút C 14giờ 55 phút - GV yêu cầu HS đọc đề bài. ? Vì đồng hồ chạy chậm muốn tính được thời gian đúng em làm thế nào? - GV mời HS làm việc nhóm đôi: thực hiện để tính ra ý b - GV mời các nhóm báo cáo kết quả. - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)	- HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi.. - HS làm vào vở thực hiện cộng các số đo thời gian- đổi vở kiểm tra kết quả -HS báo cáo kết quả. a, 14 giờ 20 phút + 2 giờ 10 phút = 16 giờ 30 phut 10 phút 20 giây + 5 phút 30 giây = 15 phút 50 giây - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe, (sửa sai nếu có) HS đọc đề bài, cả lớp theo dõi. -Em lấy thời gian đồng hồ đó chỉ cộng với thời gian chạy chậm. - HS làm việc nhóm đôi - Các nhóm báo cáo kết quả. 14 giờ 30 phút + 25 phút = 14 giờ 55 phút. Chọn C. - Các nhóm khác nhận xét, bổ sung.
Bài 2. Tính (theo mẫu) 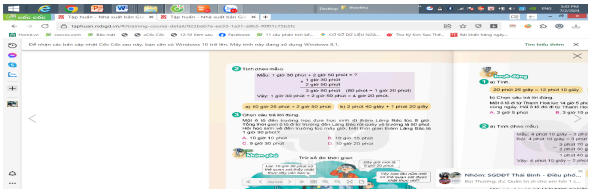 **a.**10 giờ 25 phút + 2 giờ 50 phút b.2 phút 40 giây + 1 phút 20 giây - GV mời HS đọc yêu cầu bài.	- 1 HS đọc yêu cầu bài, cả lớp theo dõi -HS chú ý -Có số đo thời gian phút là 80 phút - Đổi đơn vị

-GV hướng dẫn HS cộng ở phép tính mẫu ? Theo em phép cộng số đo thời gian ở bài 2 này có gì khác phép cộng số đo thời gian bài 1? ? Thực hiện phép cộng được số đo thời gian là 80 phút (lớn hơn 1giờ) thì ta có thể làm gì? -GV nhận xét, kết luận: Nếu số đo thời gian ở đơn vị bé có thể chuyển đổi sang đơn vị lớn thì ta thực hiện chuyển đổi sang đơn vị lớn hơn. -GV gọi HS lên bảng - Mời các nhóm khác nhận xét, bổ sung. - GV nhận xét tuyên dương (sửa sai)	-HS lắng nghe -2 HS lên bảng – lớp BC 10 giờ 25 phút + 2 giờ 50 phút 12 giờ 75 phút (75 phút = 1 giờ 15 phút) 10 giờ 25 phút + 2 giờ 50 phút = 13 giờ 15 phút 2 phút 40 giây + 1 phút 20 giây 3 phút 60 phút 2 giờ 40 phút + 1 phút 20 giây = 4 phút - HS khác nhận xét, bổ sung. - Lắng nghe, (sửa sai nếu có)

4. Vận dụng trải nghiệm.

Bài 3. Một ô tô đến trường học đưa học sinh đi thăm Lăng Bác lúc 8 giờ . Tổng thời gian ô tô đi từ trường đến Lăng Bác rồi quay về trường là 50 phút. Hỏi học sinh về đến trường lúc máy giờ, biết thời gian thăm Lăng Bác là 1 giờ 30 phút? A. 10 giờ 10 phút B. 10 giờ 15 phút C. 9 giờ 30 phút D. 10 giờ 20 phút ? Thời gian xe xuất phát lúc mấy giờ?	- Thời gian xe xuất phát là 8 giờ. - 50 phút -Tổng thời gian di chuyển trên đường + thời gian thăm Lăng Bác + thời gian bắt đầu đi

? Tổng thời gian từ khi HS đi cho đến khi quay về trường? ? Để tìm được HS về đến trường lúc mấy giờ ta làm thế nào? - GV đưa ra sơ đồ 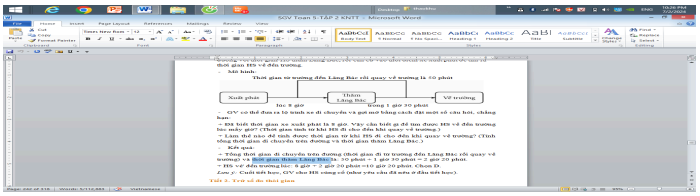 -GV yêu cầu HS thảo luận nhóm 4 để thực hiện -GV nhận xét, tuyên dương. - GV nhận xét, dặn dò bài về nhà.	- HS quan sát - Các nhóm thảo luận - Đại diện các nhóm trình bày Tổng thời gian di chuyển trên đường và thời gian thăm Lăng Bác là: 50 phút + 1 giờ 30 phút = 2 giờ 20 phút. HS vê' đến trường lúc: 8 giờ + 2 giờ 20 phút =10 giờ 20 phút. Chọn D. -Nhóm khác nhận xét, bổ sung

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Hoạt động trải nghiệm:

SINH HOẠT LỚP:

CHUNG TAY VÌ CỘNG ĐỒNG

I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:

- Tham gia tích cực hoạt động lao động công ích ở địa phương.
- Học sinh trải nghiệm ý nghĩa của hoạt động xã hội với bản thân và cộng đồng.
- Cảm thấy tự tin và thể nghiệm cảm xúc tích cực sau khi hoạt động, có động lực học tập và rèn luyện tốt hơn nữa trong năm học cuối cấp.
- Đánh giá kết quả hoạt động trong tuần, đề ra kế hoạch hoạt động tuần tới.

* Góp phần hình thành và phát triển:

- Năng lực: tự chủ, tự học; giải quyết vấn đề và sáng tạo; giao tiếp và hợp tác
- Phẩm chất: nhân ái; chăm chỉ; trách nhiệm;...

II. PHƯƠNG TIỆN HOẠT ĐỘNG VÀ HỌC LIỆU

- GV và HS chuẩn bị các dụng cụ cần thiết phục vụ hoạt động xã hội đã lựa chọn.

III. CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC CHỦ YẾU:

Hoạt động của giáo viên	Hoạt động của học sinh
1. Khởi động:	
- GV cho học sinh bài hát "Bài hát trồng cây", nhạc: Hoàng Long, thơ: Bế Kiến Quốc. - GV đặt câu hỏi để trao đổi, dẫn dắt HS vào bài học.	- HS hát. - HS cùng trao đổi với GV về nội dung bài hát. + Bài hát nói về việc trồng cây.

+ Bài hát nói về hoạt động gì? + Qua bài hát ta thấy lợi ích của việc trồng cây là gì?	- Trồng cây có lợi ịch: nghe được tiếng chim hót, có bóng mát,...
- GV Nhận xét, tuyên dương.	- HS lắng nghe.
- *GV dẫn dắt vào bài mới: Khi chúng ta làm được một việc nhỏ giúp cho sự thay đổi của môi trường, lợi ích mang đến cho cộng đồng, niềm vui khi làm được làm việc cùng nhau, khi làm được điều tốt đẹp cho xã hội. Mang đến cho chúng ta niềm vui, cảm xúc như thế nào thì cô mời cả lớp cùng nhau sinh hoạt tiết Chung tay vì cộng đồng để cảm nhận những điều đó nhé.*	
2. Sinh hoạt cuối tuần:	
*** Hoạt động 1: Đánh giá kết quả cuối tuần. (Làm việc theo tổ)**	
- GV mời lớp trưởng điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần.	- Lớp trưởng lên điều hành phần sinh hoạt cuối tuần: Đánh giá kết quả hoạt động cuối tuần.
- Lớp trưởng lên điều hành nội dung sinh hoạt: Mời các tổ thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần: + Sinh hoạt nền nếp. + Thi đua của đội cờ đỏ tổ chức. + Kết quả hoạt động các phong trào. + Một số nội dung phát sinh trong tuần...	- Mời các nhóm thảo luận, tự đánh giá kết quả kết quả hoạt động trong tuần.
- Lớp trưởng mời Tổ trưởng các tổ báo cáo.	- Các tổ trưởng lần lượt báo cáo kết quả hoạt động cuối tuần.
- Lớp trưởng tổng hợp kết quả và mời giáo viên chủ nhiệm nhận xét chung.	
- GV nhận xét chung, tuyên dương. (Có thể khen, thưởng,...tuỳ vào kết quả trong tuần)	- Lắng nghe rút kinh nghiệm.
*** Hoạt động 2: Kế hoạch tuần tới. (Làm việc nhóm 4 hoặc theo tổ)**	- 1 HS nêu lại nội dung.
- GV yêu cầu lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạch hoạt động tuần tới. Yêu cầu các nhóm (tổ) thảo luận, nhận xét, bổ sung các nội dung trong kế hoạch.	- Lớp Trưởng (hoặc lớp phó học tập) triển khai kế hoạt động tuần tới.
+ Thực hiện nền nếp trong tuần. + Thi đua học tập tốt theo chấm điểm của đội cờ đỏ. + Thực hiện các hoạt động các phong trào.	- HS thảo luận nhóm 4 hoặc tổ: Xem xét các nội dung trong tuần tới, bổ sung nếu cần.
	- Một số nhóm nhận xét, bổ sung.

- Lớp trưởng báo cáo kết quả thảo luận kế hoạch và mời GV nhận xét, góp ý. - GV nhận xét chung, thống nhất, và biểu quyết hành động.	- Cả lớp biểu quyết hành động bằng giơ tay.
3. Sinh hoạt chủ đề.	
Hoạt động 3: Tham gia hoạt động lao động công ích - GV đề nghị học sinh lựa chọn một hoạt động lao động công ích để cùng thực hiện. *Gợi ý:* dọn dẹp vệ sinh, chăm sóc cây xanh,... trong trường học hoặc ở một địa điểm công cộng (công viên, khu tưởng niệm liệt sĩ,...) gần trường học. - Giáo viên tạo điều kiện cho học sinh thực hiện hoạt động lao động công ích và giám sát, hỗ trợ các em trong quá trình thực hiện. - Giáo viên mời học sinh chia sẻ kết quả thực hiện lao động công ích và cảm xúc sau khi thực hiện hoạt động lao động công ích. - GV nhận xét chung và kết luận: Giáo viên khích lệ về tinh thần làm việc của học sinh, về kết quả đạt được sau hoạt động lao động công ích, về niềm vui của cộng đồng trước sự thay đổi mà hoạt động lao động công ích mang lại. - Khen ngợi và khuyến khích học sinh tiếp tục lao động công ích mang lại niềm vui cho người khác và cho bản thân mình	- HS lắng nghe nhiệm vụ và chuẩn bị đồ dùng để thực hiện. - Học sinh lựa chọn và thực hiện hoạt động lao động công ích phù hợp với lứa tuổi. - Học sinh chia sẻ kết quả thực hiện lao động công ích và cảm xúc sau khi thực hiện (theo cảm nhận của cá nhân). - Lắng nghe, rút kinh nghiệm.
4. Vận dụng trải nghiệm.	
- Giáo viên gợi ý để học sinh về nhà kể cho người thân nghe về hoạt động lao động công ích đã làm cùng các bạn. - Giáo viên đề nghị học sinh trò chuyện và vận động người thân cùng mình tham gia vào một hoạt động xã hội tại địa phương. - Nhận xét sau tiết dạy, dặn dò về nhà.	- Học sinh tiếp nhận thông tin và yêu cầu để về nhà ứng dụng với các thành viên trong gia đình. - HS lắng nghe, rút kinh nghiệm

IV. ĐIỀU CHỈNH SAU TIẾT HỌC:

.....

.....

Ký duyệt: **Giáo viên thực hiện:**